

# CÂU XÁ LUẬN SỐ QUYỂN 13

## **Phẩm 4: PHÂN BIỆT NGHIỆP** (Phần 1)

### **1. Nói về nghiệp:**

Do ba nghĩa nên gọi là Nghiệp: Một. Tác dụng. Hai. Trì pháp thức. Ba. Phân biệt quả.

Tác dụng là tác dụng gọi là Nghiệp, trì pháp thức nghĩa là có công năng giữ gìn pháp thức của bảy chúng, phân biệt quả là có công năng phân biệt quả ái phi ái. Phẩm này nói đủ nên gọi là phân biệt, do vậy để sau kế phẩm “Thế gian” phẩm thế gian nói quả nội ngoại khác nhau. Quả dựa vào nhân, nghĩa là do nghiệp hoặc, hoặc chung, nghiệp riêng nên trước nói về nghiệp.

Luận chép: Như trước đã nói cho đến do cái gì mà sinh, là kiết văn trước phát khởi văn sau, phần đại văn phẩm này chia làm bốn: Một là nói về thể của nghiệp; hai là nói về luật nghi; ba là nói về các nghiệp trong kinh và bốn là xa lìa các nghiệp. Trong phần nói về thể của nghiệp một bài tụng rưỡi thứ nhất nói về thể tánh của nghiệp, một bài tụng rưỡi thứ hai nói đại năng tạo, hai câu kệ thứ ba nói về loại chấp thọ khác nhau, một câu kệ thứ tư là phân biệt nghĩa môn, một bài tụng rưỡi thứ năm là nói bốn pháp lành v.v... ba bài tụng thứ sáu là nói hai pháp đẳng khởi, y theo thể tánh của nghiệp, một câu trên của bài tụng đầu trả lời câu hỏi trước một câu kế chia ra hai nghiệp, hai câu dưới phân ra ba nghiệp. Nửa bài tụng kế phân ra hai nghiệp thân, ngữ để thành năm nghiệp, hai bài tụng rưỡi kế là thành lập biểu thể, nửa bài tụng sau nói về thể của vô biểu. Y theo văn ban đầu trước tổng kết văn trước, rồi đặt câu hỏi, sau nêu tụng đáp, đây là văn đầu.

### **2. Thế gian do nghiệp sinh:**

Luận chép: Cho đến nghiệp khác nhau khởi, là giải thích câu đầu của bài tụng, thế gian riêng do nghiệp sinh, chẳng phải do một chủ tiên

giác mà sinh, là phá chấp của ngoại đạo, chỉ do nghiệp phát khởi khác nhau của hữu tình thành lập tự tông. Một là chủ tiên giác mà sinh có nhiều loại, hoặc là Phạm Vương, hoặc ba đời đại tự tại cho là một chủ, khởi với bậc tiên giác sinh ra thế gian, hoặc chấp ngã cho là một chủ, khởi nơi tiên giác sinh ra thế gian, chẳng phải do một chủ tiên giác mà sinh ra, đều chẳng phải các chấp trên. Luận Chánh Lý phá cả vô nhân luận v.v... rộng phá chấp tự lập tôn rằng thế biệt do nghiệp sinh, làm sao biết được như vậy? vì thấy nghiệp dụng nghĩa là hiện đời thấy quả ái phi ái lúc sinh khác nhau chắc chắn do nghiệp dụng, như người nông phu do siêng năng chánh nghiệp, có việc đồng áng, sánh quả đang ưa, có những kẻ ngu làm việc ăn trộm v.v... thì nhận lấy quả không đáng ưa như bị giết, trói buộc v.v... lại thấy có người từ ban đầu ở trong thai không do nhân hiện đời mà có người vui có người khổ. Đã thấy hiện tại, thì phải do nghiệp làm đầu nên có công năng dẫn đến quả ái phi ái.

Biết khổ trước vui, là do nghiệp làm đầu, vì thế chẳng phải không nhân mà các việc trong ngoài tự nhiên có nhiều loại khác nhau. Lại thấy hiện đời người làm lành ít, người làm ác thì nhiều, nhưng đối với hữu tình thế gian vui ít khổ nhiều, có thể lấy hiện thấy làm cửa ngõ, vì chẳng phải hiện thấy thành, nghĩa là hiện đời thấy tạo đủ loại nghiệp tịnh, bất tịnh làm nhân duyên, bèn có nhiều quả khổ, vui sinh ra. Nhưng kẻ chẳng ra gì do thấy ở thế gian người ưa bố thí thì nghèo khổ, người bôn sển lại giàu sang, liền tăng thêm tà kiến cho rằng quả không có nhân. Đây là do đối với ruộng phước và tư số thói quen được dị thực tăng thượng, quả đẳng lưu khác nhau, vì không hiểu rõ, nghĩa là đời trước có người gieo ruộng phước tốt tam thời gieo nhân bố thí nên hưởng quả giàu sang sung sướng, nhưng không thường có thói quen có thể suy nghĩ xả vật nên đời nay vẫn có tâm bôn sển. Hoặc có người đời trước thường bố thí chẳng phải ruộng phước thì đời này nghèo khó mà thích bố thí. Với nghĩa như thế vì sao gây ra sự ngu si mê muội, vì thế do nghiệp lực đời trước của hữu tình và hiện tại kẻ có dùng hai loại sinh quả khác nhau ở thế gian, theo lý khéo thành lập. Ở đây luận nói chỉ do nghiệp khác nhau của hữu tình phát khởi, chữ : “Chỉ” này đều chẳng phải các chấp.

### ***3. Nếu nghiệp khác nhau thì có quả khác nhau:***

Luận chép: Nếu vậy vì sao cho đến trái với kia? Là hỏi, nêu nghiệp khác nhau thì có quả khác nhau, vả lại như trong cõi người có nội thân vật bên ngoài đều từ nghiệp sinh, vì sao nghiệp sinh vật bên ngoài như Uất-kim, chiêm đàn v.v... là loại rất đáng ưa thích, mà hình

dáng trong thân lại bất tịnh dơ xấu? Luận chép: Do các hữu tình có hai việc đều tốt đẹp, là đấp, nghiệp loại khác nhau, tạp nghiệp sinh thì người cảm hình trạng trong thân thường chảy ra đồi bất tịnh, cảm lấy mùi hương bên ngoài có thể đối trị lại mùi kia. Tịnh nghiệp thì được sinh lên tầng trời, hai việc đều thanh tịnh, luận chép: Đây do nghiệp cho đến đó là suy nghĩ tạo tác, là nói hai nghiệp một là tư, hai là tư dĩ nghiệp. Tư dĩ nghiệp là suy nghĩ tạo tác, tức là thân nghiệp và ngữ nghiệp. Luận chép: Hai nghiệp như thế cho đến thân, ngữ, ý nghiệp ở đây chia hai thành ba. Luận chép: Vì sao kiến lập y theo đẳng khởi, đây là hỏi lý do lập ra ba nghiệp? Luận chép: Dẫu cho như thế nào có trái nhau là hỏi ngược lại.

Luận chép: Nếu theo sở y cho đến đều là ý đẳng khởi, là nói lý do trái ngược. Luận chép: Sư Tỳ-bà-sa cho đến do ba nhân trên, thân nghiệp từ sở y, ngữ nghiệp là tự tánh, ý nghiệp là đẳng khởi. Theo Luận Chánh Lý cho rằng nghiệp nương thân nên gọi là thân nghiệp, nghiệp tánh tức là lời nói nên gọi ngữ nghiệp, nghiệp này nương ý, lại cùng tánh chung đẳng khởi thân, ngữ gọi là Ý nghiệp. Y theo văn luận này thì ý nghiệp tức là năng đẳng khởi, luận chép: Nhưng vì tâm sở tư cho đến đẳng khởi: Rõ ràng thuộc về hai nghiệp thành ba nghiệp.

#### ***4. Nói về thể của năm nghiệp:***

Luận chép: Tự tánh của hai nghiệp thân ngữ như thế nào? Trở xuống nửa bài tụng, thứ hai là nói về thể của năm nghiệp. Luận chép: Cho đến Biểu tánh và vô biểu tánh, là nói thân, nghiệp, ngữ nghiệp đều dùng nghiệp biểu, nghiệp vô biểu làm thể tánh, chia ra năm nghiệp. Và lại thân ngữ biểu tướng nó thế nào? Văn trước mỗi mỗi chia thành hai, đây là giải thích hai tướng vô biểu, sau giải thích nên nói là và lại. Hai bài tụng rưỡi dưới đây, là thứ ba nêu thể của thân biểu ngữ, biểu Luận chép: cho đến gọi là biểu nghiệp của thân, nêu ra thể của thân biểu. Luận Chánh Lý chép: Tóc, lông... nhóm họp đều gọi là thân, trong thân này có tâm sở khởi bốn đại chủng quả hình sắc khác nhau, năng hiện bày tâm gọi là Thân biểu.

Luận chép: Có các bộ khác nói cho đến có Sát-na, là phá Chánh Lượng bộ, chấp hành động gọi là Thân biểu. Vì khi thân động là do nghiệp động, là chánh lượng bộ chấp, thân không có Sát-na do đối với tư nghiệp khi thân này động, thì động thân này gọi là thân biểu, vì phá chấp này nên nói chẳng phải hành động, đối tông hành động lập tông không hành động, vì tất cả pháp đều có Sát-na, cho nên lập nhân có pháp Sát-na đều không có hành động. Như lửa của ngọn đèn tiếng linh,

Luận chép: sao gọi là Sát-na là chánh lượng bộ hỏi. Luận chép: Đắc thể Vô Gian diệt cho đến gọi là có nương tựa, đáp là Sát-na, các pháp đắc thể Vô Gian liền diệt gọi là Sát-na, có Sát-na gọi có Sát-na, như người có gậy gọi là có gậy. Luận Chánh Lý bắt bẻ rằng: giải thích ấy phi lý, như gậy khác người, vì không thể nói, khác nhau pháp dụ, chẳng có pháp riêng, khác với được thể Vô Gian diệt tánh, vì sao có thể nói đây có Sát-na như người có gậy.

### 5. *Tổng kết bác bỏ:*

Luận chép: Các pháp hữu vi cho đến động gọi là thân biểu, là tổng hết bác bỏ, các pháp hữu vi đều có Sát-na, tức là sinh ở đây thì diệt ở đây, làm sao được nói động là thân biểu. Luận chép: Hoặc pháp hữu vi tội nghĩa có thể thành lập, là chánh lượng chống chế: Nghĩa giác của tông ta thì ngọn lửa, tiếng linh có thể có Sát-na, các vật như sắc thân v.v... không có Sát-na diệt. Hoặc pháp hữu vi đều có Sát-na không có nghĩa hành động để thành lập. Tông ta không chấp nhận đều có Sát-na, nhân này không thành thì làm sao thành lập được.

Luận chép: Các pháp hữu vi cho đến diệt không đợi nhân, ý của Luận chủ về sau chắc chắn hết nên diệt không đợi nhân, chứng minh pháp hữu vi có Sát-na. luận chép: Vì sao? Là Chánh Lượng Bộ gạn hỏi diệt không đợi nhân, luận chép: Vì đợi nhân là quả cho đến có tánh v.v... là Luận chủ bác bỏ, pháp đợi nhân chắc chắn là quả kia, diệt không có chẳng phải quả nên không đợi nhân. Đã không đợi nhân thì vừa sinh liền diệt, nếu ban đầu không diệt sau lẽ ra cũng thế, vì sau có tánh bình đẳng với ban đầu, hoặc pháp đợi nhân, nhân không có chưa diệt, đã không đợi nhân đâu được lúc trước không diệt sau liền diệt? Luận chép: Sau đã có biết hết trước có diệt, là tổng kết chứng minh, là chấp của Kinh bộ. Sinh có khách nhân không có chủ nhân, diệt không có hai nhân chủ và khách, Hữu Bộ chấp, diệt có chủ nhân không có khách nhân, Chánh lượng bộ chấp. Các pháp như sắc v.v... diệt đợi hai nhân chủ, khách, pháp tâm, tâm sở và ngọn lửa tiếng linh v.v... diệt do chủ nhân không đợi khách nhân, tướng diệt là chủ còn nhân là khách. Hoặc sau đó có khác nhau chí lý hẳn không đúng, phá đợi đợi mới diệt, đây là nhắc lại chánh lượng chống chế.

Chánh Lượng bộ chấp các pháp như: Sắc v.v... sinh rồi đợi sau tướng dị mới bắt đầu, có diệt, chẳng phải vừa sinh có diệt, chẳng lẽ ở đây mà gọi là có khác, tức tướng này khác lý hẳn không đúng, là Luận chủ bác bỏ tướng khác, thể của pháp trước sau hoặc chấp nhận khác nhau mới có thể khác nhau, trước sau là một vì sao được nói có tướng

khác.

### **6. Chánh Lượng bộ bào chữa:**

Luận chép: Há không có thế gian cho đến đều không đọi nhân, là Chánh Lượng chống chế, trước đây so sánh để phá ngã, nhưng ở đây so sánh không bằng hiện lượng, hiện thấy, củi v.v... do đọi lửa hợp mà nhân, chẳng phải pháp diệt đều không đọi nhân, luận chép: Làm sao biết củi... do lửa hợp nên diệt, là Luận chủ hỏi lại, Luận chép: Vì củi v.v... lửa hợp nhau sau đó thì không thấy, là chánh lượng bộ trả lời, lẽ ra cùng suy xét cho đến không có cho nên chẳng thấy, đây là Luận chủ bảo Chánh Lượng Bộ suy nghĩ kỹ, lửa hòa hợp là mà cho sau đó bất sinh, chẳng phải khiến cho cái sinh bị diệt. Luận chép: Như gió thổi vỗ tay hợp cho đến lẽ ra do tỷ lượng, là Luận chủ dẫn chứng, như lúc gió và ngọn đèn hòa hợp, sau đó ngọn lửa không cháy chẳng phải làm cho trước diệt, vỗ tay và tiếng linh hòa hợp nghĩa đó cũng như thế, hiện lượng đã có hai bên, chưa được mà định nên nghĩa này thành, lẽ ra do tỷ lượng.

Luận chép: Chánh lượng bộ hỏi thế nào là Tỷ lượng? Luận chép: Lời văn trước nói cho đến nên không đọi nhân, là Luận chủ trả lời. Nếu đọi nhân thì cho đến chẳng phải vô nhân, là giải thích câu thứ năm của bài tụng, lẽ ra không phải vô nhân, nếu củi v.v... diệt mà đọi nhân thì ngọn lửa v.v... lẽ cũng đọi nhân, như sinh đọi nhân không có vô nhân.

### **7. dẫn thí dụ thuận thành:**

Luận chép: Nhưng hiện đời thấy cho đến cũng không đọi nhân, là dẫn thí dụ thuận thành. Có chấp biết âm thanh trước nhân sau diệt, đây là chấp của dị sư Thắng luận, trước biết âm thanh diệt, do sau đó niệm sinh, vì sau và trước tánh trái nhau. Như dòng nước sau ép ngắt dòng nước trước, vì Luận sư kia không lập chấp bốn tướng, chỉ do sau sinh mà cho niệm trước diệt. Luận chép: Điều đó cũng phi lý, cho đến lại do cái gì diệt, là Luận chủ bác bỏ, có ba đạo lý. Vì một, hai không đi chung, lúc niệm sau khởi thì niệm trước đã diệt vì sao không đi chung mà khiến cho diệt. Cũng như khổ vui và thâm sân v.v... trước sau không đi chung, tại sao niệm sau diệt đối với niệm trước, hai là từ minh liễu giác biết âm thanh, tại sao không minh liễu có thể diệt minh liễu? Ba là sau cùng giác, âm thanh không có niệm sau thì do cái gì diệt? Có chấp ngọn đèn diệt do trụ nhân vô vi, đây là Thượng tọa sư chấp, trụ đó là trụ tướng, trụ tướng hoặc ở pháp, không chấp nhận diệt, do không có nên mới diệt pháp được, nên ngọn lửa kia tắt do trụ vô làm nhân, luận có chấp lúc ngọn lửa tắt do năng lực của pháp, phi pháp, đây là chấp của

đị sư Thắng luận, phi pháp là thuộc đức cú nghĩa, đối với người có lợi ích gọi là pháp, với người không có lợi ích gọi là phi pháp, do hai năng lực này làm sinh ra các pháp, làm diệt mất các pháp. Như trong nhà tối có một ngọn đèn, hoặc người nhờ đó thọ dụng thì đèn có ích tức là pháp sinh, đèn tắt không có ích là phi pháp diệt. Hoặc nhờ đó người ăn trộm thì đèn vô ích tức phi pháp sinh, đèn tắt có ích tức là pháp diệt.

#### **8. Luận chủ bác bỏ:**

Luận chép: Luận kia đều phi lý, cho đến thuận nghịch trái nhau, là Luận chủ bác bỏ, trong đó có hai một là phá trụ chẳng phải nhân, hai là phá nhân của pháp, phi pháp. Kia đều phi lý là cả hai chẳng phải hai chấp, không phải điều phi nhân, phá trụ không là nhân trụ chẳng phải nhân nhân, vì không nên cũng như sừng thỏ, chẳng phải pháp phi pháp là nhân sinh diệt, do Sát-na thuận nghịch trái nhau, phá chấp của Thắng Luận sư đối với một Sát-na đèn hy vọng hữu dụng tức là thuận, vô dụng là nghịch. Thuận nghịch trái nhau vì sao đồng khởi, chánh lý bác bỏ rằng: Pháp và phi pháp cũng chẳng phải nhân diệt, thấy trong hang trống có ngọn lửa cháy (giải thích rằng: Trong hang trống không có người thọ dụng tức không tổn ích, đã không có tổn ích thì không phải là pháp hay phi pháp, chỉ làm cho ngọn lửa tắt). Hoặc đối với tất cả có cho đến Sát-na, là Luận chủ lại phá hai nhà chấp, trụ không phải nhân và pháp phi pháp chẳng phải chỉ có giác, ngọn lửa và âm thanh, sắc không tương ứng, tất cả pháp hữu vi đều có trụ vô và pháp phi pháp, không đợi nhân khác vừa sinh liền diệt, do pháp hữu vi đều có Sát-na đồng với ngã, vốn chấp nhận nên dứt không nhọc giải thích rườm rà.

#### **9. Bác bỏ lần nữa:**

Luận chép: Lại nếu củi v.v... diệt cho đến thì thành nhân diệt, nghĩa văn trước đã bác bỏ chấp khác, nay lại bác bỏ lần nữa, chấp của Chánh Lượng bộ lửa hòa hợp mà nhân tức là câu thứ sau trong bài tụng, lẽ ra diệt nhân sau tức là nhân sinh trong đó nên sinh nhân trên tức là diệt nhân ở giữa, luận chép: Vì sao? Là Chánh lượng bộ gạn hỏi? Cho rằng do lửa hòa hợp hoặc dường như đây chẳng có, là Luận chủ đáp, trong đó có hai một tức là hai là tợ như nghĩa là do lửa hòa hợp làm cho củi cháy thành tro, nhân thành thực trong lúc sinh tức là diệt, nhân sau chín muối, hoặc tợ như diệt nhân sau thuần thực, sinh thượng thực nhân ngay đó là diệt trung thực nhân, hoặc dường như diệt trung thực nhân. Nếu thế thì thể của sinh nhân lẽ ra diệt nhân phá cái “Tức” là hoặc diệt sinh nhân nên tướng không khác nhau, là phá cái “Tợ như” chẳng phải do ngay nơi đây sinh nhân là diệt nhân, hoặc tợ, tợ như sinh nhân là diệt

nhân. Đồng là một loại củi do lửa đất cháy biến thành tro, vì sao đây do kia có, kia do đây không, không đúng đạo lý, nếu đối với ngọn lửa cho đến sinh diệt nhân khác, tức là bác bỏ Chánh Lượng bộ, vì ngọn lửa trước, sau niệm niệm khác nhau, chấp nhận có thể diệt nhân, cõi dưới, sau cùng sinh nhân giữa khác, Chánh Lượng bộ chấp, thừa nhận tro, tuyết, me chua, mặt trời, nước, đất không có Sát-na diệt, trước sau thể nó là một, làm cho củi v.v... cháy biến thành tro, diệt nhân sau và giữa, cùng sinh nhân giữa trước, làm sao khác được.

### **10. Chánh lượng bộ hỏi lại:**

Luận chép: Nếu thế hiện thấy cho đến tạo tác vì cái gì, là chánh lượng bộ hỏi lại? Nếu củi cháy biến thành tro không do lửa hòa hợp, hiện thấy lửa hợp trong đó tạo tác cái gì? Luận chép: Do lửa hòa hợp cho đến tạo tác trong đó, là Luận chủ đáp. Sự lửa là dưới lò có hiển, hình nhóm lửa, phạm vi của lửa, nhiệt độ trong nước nóng xúc tác, nhóm nước tức là hiển sắc, hình sắc, nhóm nước, sự, là lửa sinh trong nước nhiệt độ xúc tác, nhân nhiệt xúc tác mà cho niệm, sau kia nhóm nước sinh dần dần sinh nhân nhỏ, chẳng phải là cùng thủy đã sinh mà nhân diệt. luận chép: Vì thế, không có nhân cho đến chắc chắn không có hành động, Luận chủ tổng kết quy về tự tông, diệt không đợi nhân khách, vì hoại pháp tánh, vừa sinh liền diệt, nên có Sát-na, đã Sát-na diệt nên không có hành động, nhưng đối với Vô Giá hiện hành tăng thượng mạn, Luận chủ giải thích thích nghi, nghi rằng nếu không có hành động mà sao thấy pháp từ đây đến kia Luận chủ giải thích. Như khi đất cỏ thấy ngọn lửa từ xa, thấy ngọn lửa này từ đây đến kia, nhưng thật ra ngọn lửa ngay đó đang diệt theo, nhưng do thấy không sáng cho rằng có hành động. Sắc v.v... cũng vậy, thật ra niệm niệm diệt, người mắt tuệ tối tăm cho là có hành động, chẳng phải có cho là có, tăng thượng mạn. Luận chép: Đã do lý này cho đến lý được thành lập, phá chấp khác rồi, kết quy tự tông. Thân biểu là hình, lý được thành lập, nhưng chưa phân biệt hình sắc là giả hay thật.

### **11. Kiết quy tự tông:**

Luận chép: Nhưng kinh bộ nói cho đến tùy theo nên biết, là Luận chủ trình bày nghĩa của kinh bộ bác bỏ Hữu Bộ. Theo Hữu Bộ hình sắc phân biệt có cực vi không giống với hiển sắc, tức cực vi này thành thêm lớn kia v.v... Kinh bộ tông chấp hình sắc không phân biệt hạt bụi, chứa nhóm hiển sắc để làm thêm lớn là giả chẳng phải thật, nghĩa là hiển sắc nhóm ở một mặt, đa sinh gọi là trưởng sắc, nghĩa là đối với bốn mặt, một mặt, riêng nhiều, như cây sào v.v... một mặt ít sinh gọi là đoản sắc,



như cô rưng buội, còn lại lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Như thấy lửa khói cho đến biệt loại sắc thể, ở đây nêu thí dụ để kết Kinh bộ tông, nếu cho rằng thật có hai căn sở thủ, là vạn hữu Hữu Bộ. Hình sắc nếu thật có có là biệt loại sắc thể, là sắc xúc tức hai căn nhãn kiến, thân xúc chấp lỗi, do nhãn và thân được thêm lớn v.v...

### **12. Luận chủ giải thích:**

Luận chép: Nhưng như y xúc năng thủ đối với hình sắc, là Luận chủ giải thích không có phân biệt hình sắc, nhưng như y xúc cho tướng dài v.v... mà lưỡng đối chỉ là giả vị chứa nhóm không biết tướng xúc y hiển sắc chấp hình sắc, vì thế biết chỉ là phần nhiều hiển sắc chứa nhóm không có phân biệt dài v.v...

Luận Chánh Lý chép: Nhưng Kinh chủ nói: Hình sắc chẳng phải thật có, cho đến như vậy y hiển sắc năng thủ đối với hình sắc, lý này không đúng, vì rõ tướng khác. Nếu một mặt chỉ hiển sinh nhiều thì liễu tướng trong đó lẽ ra không khác nhau, đã có dài, hai liễu trắng khác nhau, vì thế ngoài hiển sắc có hình sắc riêng. Hiện thấy có xúc đồng căn sở thủ, liễu khác nhau nên thể có khác nhau, như cứng và lạnh hoặc nóng và cứng. Như thế trắng, dài tuy đồng căn thủ, mà liễu tướng khác nên thể lẽ ra khác. Vì thế biết nhóm sắc phân tích dần dần thành cực vi, cho đến trong đó có thể sinh hình giác, hẳn có một ít phần hình giác sinh. Nhân hình sắc cực vi trong đó vẫn sinh khởi, lý chắc chắn đúng như vậy, vì trong nhóm sắc có chỉ hiển sắc sinh hình sắc không khởi, trong đó chỉ có hiển giác chẳng phải hình sắc, như thấy các sắc ánh sáng v.v... trong hư không. Nếu hiển sắc gọi là hình sắc, trong đó không phần lượng hiển cũng nên khởi hình giác vì không rời nhau, như phạm vi của lửa nóng ấm, lửa khói kia dụ cho chứng minh không có công năng, vì cực thành nơi khác có thể giả nói. Nghĩa là đối với xứ khác có dài, tròn v.v... sở y thật nhân, đồng thời Vô Giác với nhiều nơi chốn, đặt bày khác nhau thành sắc tự dài v.v... cực thành, do đó nên các sắc như lửa khói khác thời khác xứ Vô Giác chuyển, tính toàn so lượng lập làm giả mượn dài tròn v.v... chưa hề thấy thế tục thẳng nghĩa đều bất cực thành mà có thể giả lập, lẽ ra hai căn thủ gạn hỏi cũng không thành, dài v.v... chỉ là cảnh ý thức. Do các giả có chỉ là đối tượng sở duyên của ý thức, lời văn trước đã nói năng thành dài v.v... như chủng cực vi, sắp bày như thế gọi là hình sắc, là sở thủ của nhãn thức vô phân biệt, chẳng phải thân năng thủ, như vậy hình sắc như y thân căn cứng, ướt mà rõ dài ngắn v.v... không như thế, vì chẳng phải trong bóng tối rõ cứng, ướt... đối với vị kia hoặc kế thời gian sau.



Có thể hiểu biết tướng dài, ngắn v.v... thì phải trong một mặt có nhiều xúc sinh ra. Ý thân căn môn nói rộng về xúc rồi, mới năng so sánh, biết xúc đi chung với nhãn thức dẫn sinh ra ý thức sở thọ, tướng trạng hình sắc khác nhau như thế, như thấy màu lửa và ngửi hoa thơm, nhớ câu hành lửa xúc hoa sắc, hiện thấy nhãn thức tùy theo sự thích ứng đó, có đối với một thời hình sắc, hiển sắc đều rõ. Ý thức phân biệt trước sau không chắc chắn, vì hiển sắc và hình sắc là cảnh sở duyên của nhãn thức, vì khi ý thức phân biệt khác nhau, vì liễu tướng khác, thể kia khác nhau, hình sắc cũng chẳng phải xúc, đâu có hai nghĩa thân căn năng thủ, vì vậy không nên vận hỏi lẽ ra có hai căn thủ.

Nay xét hai bộ luận có hơn kém nhau, Luận chủ câu xá nói một hình sắc lẽ ra có hai căn thủ, chứa nhóm hiển sắc để thành dài v.v... mà nói dài mặt có thể thấy, lý đó hơi xa. Theo Luận Chánh Lý sư do liễu khác nhau chứng minh có hình sắc khác, cũng chẳng phải quyết định sinh hình giác kia, cho là tương ứng với nhãn thức hay tương ứng với ý thức. Nếu nhãn tương ứng, thì có thể chứng minh có tự thể khác nhau. Lý gì có thể chứng minh, chắc chắn là nhãn thức đồng một Sát-na sinh ra hai giác trắng, dài. Nếu ý thức tương ứng đâu biết khác nhau với các giác như hành, luân v.v... ngoài kiến và cày không có hành riêng, luân, mà sao quyết định chứng minh có hình sắc riêng, lại đối với hình bóng sinh ra cái biết như dài... trong đó vì sao không thừa nhận có hình, lại như thư sắc có trước sau quanh co khác nhau sinh ra cái biết cao thấp, trong đó cái gì không có hình sắc cao thấp, nếu nói có thì trái với tự tông, nếu nói không thì do đâu mà sinh giác.

### **13. Nói về hình giác:**

Luận chép: Vì thế nên biết nhóm sắc phân tích dần dần thành cực vi, cho đến trong đó có thể sinh hình giác, hẳn có một phần hình giác sinh nhân, hình sắc cực vi cũng khởi trong đó, lý chắc chắn đúng như thế, do trong nhóm sắc có chỉ hiển sắc sinh hình sắc không khởi, trong đó chỉ có hiển sắc chẳng phải hình sắc. Như thấy sắc ánh sáng trong hư không, hoặc ngay nơi hiển sắc gọi là hình sắc không có phần lượng, trong hiển sắc lẽ ra cũng khởi hình giác, vì không lia nhau như giới của lửa là hơi ấm, ở đây cũng vô lý có phần lượng ánh sáng trong nhà hiển sắc sinh hình giác vì chỉ có hiển sắc. Lại khói, mây v.v... cũng sinh hiển giác, vì sao tự nói hình sắc có tám, hiển sắc có mười hai. Chẳng lẽ không xúc hình cho đến có thể niệm mẫu hoa, là Hữu Bộ, chống chế. Nghĩa là xúc và hình sắc hiện hành chung thành một nhóm, vì thế nhân lấy xúc của hình sắc chung kia mà hay nhớ nghĩ mắt đã thấy hình sắc,

chẳng phải hình sắc cũng thân căn thủ. Như thấy sắc lửa liền nghĩ đến hơi nóng của lửa và ngửi hương hoa hay nghĩ sắc hoa, ở mắt thấy hơi nóng, mũi ngửi sắc hay sao. Hai pháp trong đây cho đến có thể định nhớ hình sắc, là Luận chủ bác bỏ chống chế thấy lửa biết có khói, ngửi hoa biết sắc, chắc chắn không lìa nhau, trước biết cái thấy thuộc nhau, ngửi mới biết. Nếu trước không biết, thấy ngửi không biết hơi ấm của lửa, sắc của hoa, xúc tác cùng hình sắc thì không như thế. Nếu biết thuộc nhau hoặc không biết trước, thân hoặc theo xúc liền biết dài v.v... nhưng không dài lảng chắc chắn thuộc nhau, vì tại sao trong tối có thể nhớ nghĩ đến hình sắc, cho nên biết nếu có hình sắc riêng thì hợp thành thân xúc.

#### ***14. Gạn lại thành tông:***

Luận chép: Hoặc xúc và hình sắc cho đến có thể nhớ nghĩ được hình sắc, là gạn lại thành tông, bốn tông của Luận chủ, nếu hình sắc có thật thì có lỗi hai căn thủ, Hữu Bộ chống chế rằng nhân thủ xúc cho nên nhớ nghĩ hình sắc, Luận chủ gạn lại xúc và hình sắc chẳng chắc chắn không lìa nhau mà khi thủ xúc thì nhớ nghĩ hình sắc, như trước không biết đây có hương như thế, ở trong bóng tối lúc ngửi mùi hương như vậy, biết hoa có sắc như vậy mà thật ra không như vậy, do đó không nên nói nhân thủ đối với xúc năng nhớ nghĩ được hình sắc, Chánh Lý chống chế điều này cũng phi lý hiện thấy trong các nhóm tụ ở thế gian có hình sắc chắc chắn đó là hình sắc đối với xúc tuy không chắc chắn mà với một mặt nhiều súc sinh ra trong đó chắc chắn có sắc dài, với tất cả súc sinh khắp trong đó, chắc chắn có sắc tròn, các loại như thế tùy theo sự thích ứng nên biết, do vậy xúc với hình sắc có quyết định, chẳng phải xúc đối với hiển sắc có chắc chắn như hình sắc có thể rõ ràng. Khi xúc nhớ được hiển sắc, do không có xúc như vậy sắp bày, với hiển sắc như thế quyết định như hình sắc.

#### ***15. Đồng một xứ mà nhiều thể:***

Luận chép: Hoặc trong gấm lụa v.v... cho đến chẳng phải thật có tự thể là đồng xứ nhiều thể. Như trên tấm gấm vuông có lỗ gấm tròn, trong lỗ này lại có nhiều hình tượng vẽ thẳng, cong, đồng với một xứ lẽ ra có nhiều, thật ra không đúng, hiển sắc đối với đồng xứ đã không có nhiều hiển sắc, hình sắc đối với một xứ đều được có nhiều hình sắc. Nay xét thấy ở đây gạn hỏi chẳng phải Hữu Bộ tông, vì hình vẽ trên gấm chẳng phải hình sắc, luận chép: Tất cả các cho đến giả lập dài... là vặn hỏi không có hình sắc riêng. Như đối với màu xanh v.v... phân tích cho đến cực vi có cực vi riêng cũng gọi là màu xanh v.v... hình sắc cực

vi nếu thật phân tích đến cực vi, thì lẽ ra gọi hình sắc dài... nếu có riêng, thì lẽ ra có cực vi gọi là dài... do vậy biết dài v.v... chỉ là sắp bày hiển sắc giả gọi là dài v.v...

Luận chép: Nếu cho rằng cho đến nhóm hợp sắp bày là bác bỏ chuyển sang chống chế hoặc cho rằng nhóm hiển cực vi không thành dài v.v... như tụ hương vị không gọi là dài, có riêng hình sắc nhỏ sắp bày khác nhau mới gọi là dài... đây chỉ là tông của băng đảng Hữu Bộ có hình vi, vì chẳng phải cực thành, hình vi đã chẳng phải cực thành thì ai chấp nhận sắp bày để thành dài... có người giải thích bề đảng bề đảng thẳng Luận sư tông, là sai, luận thành nghiệp phá Hữu Bộ phân biệt có hình sắc vì là một vật khắp trong sắc gọi là dài v.v... hay chứa nhiều nhỏ nhiệm gọi là dài v.v... nếu chứa nhiều vi gọi là dài... thì đâu khác gì hiển sắc, hoặc cho rằng một vật khắp trong sắc thì đồng với bộ thực mẽ trai. Nay nói chứa dài nhỏ kia nên biết không phải bằng đảng ngoại đạo, luận há không hiện thấy mà hình dáng khác nhau, là Hữu Bộ chống chế, như ở thế gian ngôi, khí, vàng, trắng tuy đồng mà có tướng bình, bôn đều khác nhau, nên biết ngoài hiển sắc có hình vi riêng.

### **16. Luận chủ giải thích:**

Luận chép: Vì không đã nói cho đến lý cũng nên như thế, là Luận chủ giải thích, lời văn rất dễ hiểu. Há không phải trong bóng tối sắp bày là hình sắc, là Hữu Bộ chống chế, nếu nói hình sắc tức là hiển sắc sắp bày khác nhau, chứa nhóm thành hình sắc, đã không thấy hiển sắc lẽ ra không thấy hình sắc, đã không thấy hình sắc thì không thấy hiển sắc, nên biết ngoài hiển sắc có hình sắc riêng, do trong chỗ tối ở xa cho đến chỉ biết tổng tụ, là Luận chủ giải thích, lời văn rất dễ hiểu. Luận Chánh Lý chép: Thế nào là cụ thọ chấp nhận có cực hiển sắc cực vi, chẳng phải hình tế phân, như các hiển sắc mỗi cực vikhông khởi một mình. Nếu có khởi một mình thì do cực tế nên chẳng phải nhãn sở đắc, lúc chứa nhóm vì nhãn khả đắc, chứng biết chắc chắn có hiển sắc cực vi, hình sắc cực vi lẽ ra cũng như thế, đâu riêng không chấp nhận, tự tướng cực thành, các cõi đối sắc là chỗ chứa nhóm, đều quyết định có cực vi có thể được, đã ở trong nhóm sắc khác nhau sinh, có hình giác sinh không đợi hiển sắc, như không đối đãi hiển sắc khác thì có hiển sắc khác sinh, do vậy chắc chắn lẽ ra có riêng, như hạt giống có công năng thành lớn lên...

Hình sắc cực vi nay xét kỹ không có văn, sau có phân lượng biết trước có chủng phân lượng, chủng tức là hình cực vi, điều này cũng phi lý, sau có hành, luân, chẳng lẽ ngoài cây, kiến, mà chấp nhận có phân

tế của hành, luân. Các hiển cực vi có chất ngại nên lẽ ra chứa nhóm giả lập thêm lớn v.v... điều này cũng phi lý, cực vi hương v.v... lẽ ra cũng chứa nhóm thành dài v.v... cho nên, mùi hương kia có cực vi cũng có chất ngại, chỉ y theo xứ không dung nạp nhau gọi là chất ngại. Hoặc cho rằng hương v.v... có cực vi, chẳng phải có thấy nên không đồng lỗi kia, thì các hiển sắc sở hữu cực vi cũng không phải hình sắc nên đâu thành dài... làm sao biết hiển sắc vi thể chẳng phải hình sắc như trước đã nói, vì rõ khác nhau, vì không đợi hiển sắc hình giác sinh. Hoặc có nhóm hiển không thấy hình sắc nên chẳng phải thể là hình sắc, có nhiều chứa nhóm không chướng ngại, có nhãn thức có thể không thấy hình sắc, cho nên biết, khác với hiển sắc có sắc xứ thuộc về hình sắc cực vi, do đây tập thành giả sắc như thêm lớn, nên hình tế phần chẳng phải bất cực thành. Y theo văn luận trên, hình vi là thật, dài v.v... là giả, dài là vi, hoặc đồng hoặc khác, như phẩm giới đã giải thích. Nhưng Kinh bộ tông chấp nhận các sắc như dài v.v... xem xét hiển vi mà thành, là giả chẳng phải thật, nhãn thức sở thủ e chẳng đúng lý. Hành luân v.v... là giả vì là ý cảnh, Sư Luận Chánh Lý tuy có nhiều chống chế nhưng dùng sinh giác chứng minh có hình sắc riêng, chẳng phải là định chứng. Không có Thể của vô hành, luân có giác hành, luân, do đó lúc hiển sắc thành dài v.v... đây tức là hiển sắc gọi là dài v.v... mắt thấy hình thể chẳng thấy giả hình, đây thuận giải thích tông, khéo phù hợp với chí lý.

### **17. Thế nào là thân biểu:**

Luận chép: Hỏi đã ngăn cho đến thế nào là thân biểu, là chánh lượng bộ Hữu Bộ nêu câu hỏi? Luận lập hình sắc làm thân biểu chỉ là giả chẳng phải thật, là kinh bộ trả lời, luận chép: Đã chấp chỉ có dụng cho đến là thân biểu phải không? Là Hữu Bộ hỏi? Y theo đây Kinh bộ thân biểu không phải là thân nghiệp, Luận chép: nếu nghiệp y thân cho đến nên biết cũng như vậy là kinh bộ đáp, theo Kinh bộ, ba nghiệp đều lấy tư làm thể, đồng với Đại thừa, tức là ý này. Tư nương thân, ngữ hành gọi là thân nghiệp ngữ nghiệp, chỉ y theo ý chuyển gọi là ý nghiệp. Luận chép: Nếu vậy vì sao hai thứ này khác nhau, là Hữu Bộ vặn hỏi? Theo kinh thì tư nghiệp rõ biết là tư, còn tư dĩ nghiệp là nói biết chẳng phải tư, vì sao ba nghiệp lấy Tư làm thể. Luận chép trước gia hạnh gọi là tư dĩ nghiệp, là Kinh bộ trả lời, Tư có hai thứ một là tư duy tư, hai là tác sự tư, cái trước gọi là Tư nghiệp, sau gọi là Tư dĩ nghiệp. Luận chép: Nếu thế thì biểu nghiệp cho đến thành lỗi lớn, là Hữu Bộ cất vấn? Trình bày rõ tâm gọi là biểu nghiệp, nương biểu nghiệp đó phát vô biểu nghiệp, hai nghiệp chỉ là ý tư, tư chẳng phải biểu, cho

nên nghiệp vô biểu, đã không có nghiệp biểu thì nghiệp vô biểu cũng không bền thành lỗi lớn.

### 18. Kinh bộ giải thích:

Luận chép: Như vậy lỗi lớn cho đến ở đây có lỗi gì? Là Kinh bộ giải thích, theo ý kinh bộ tông, thân ngữ, sắc, thính gọi là biểu, tánh nó vô ký, đồng với Đại thừa, hành động của thân và suy nghĩ lời nói gọi là thân, ngữ biểu nghiệp, có cả ba tánh do năng lực của hạt giống tư huân gọi là nghiệp Vô biểu.

Luận Chánh Lý chép: Trong đây nhiếp hết tất cả nghiệp tận, hay nhiếp một phần nhỏ nghiệp khác nhau? có thuyết cho rằng trong đây gồm nhiếp tất cả nghiệp, có thuyết cho rằng không nhiếp vô lậu (đây là kinh bộ giải thích cả nghiệp tư và nghiệp tư dĩ) ở đây giải thích không phù hợp với nghĩa kinh, vì trong đây không nhiếp ý nghiệp nghĩa là động phát ra hai thứ thân, ngữ, khởi tư duy tư và chánh động phát hai thứ thân, ngữ khởi tác sự tư. Hai thứ này đều nương môn thân, ngữ mà chuyển và lẽ ra thuộc về thân nghiệp, ngữ nghiệp, đã như vậy trong đây cái gì gọi là ý nghiệp, (trên đây cùng hai cách giải thích trước nêu ra lỗi, hoặc nhiếp hết tất cả ba nghiệp, pháp đã y vào thân, ngữ chuyển, làm sao thuộc về ý nghiệp).

Nếu y hai môn thân, ngữ chuyển tư cũng chấp nhận một phần gọi là ý nghiệp, thế thì ở nghiệp có lỗi lẫn lộn (đây giả sử chấp nhận y môn thân, ngữ chuyển là ý nghiệp thì lẽ ra ý nghiệp cũng là thân, ngữ nghiệp, thành lỗi lẫn lộn) giả sử chấp nhận là dục động phát thân, ngữ, khởi tư duy tư là tánh của ý nghiệp, vả lại chẳng phải trong đây nhiếp chung các nghiệp do có loại không y môn thân, ngữ chuyển ý nghiệp hữu lậu, lượng kia vô biên, đều không thuộc kinh này (trước nói về ý nghiệp không thành lỗi, nay dấu chấp nhận kia có ý nghiệp, cũng thuộc ý nghiệp không hết lỗi) vả lại chắc chắn không thuộc y nhân, xúc v.v... khởi các tư kia trước chẳng phải đã nói loại tư nhiếp tư duy, tác sự hai. Y theo đây năm thức tương ứng tư là ý nghiệp, năm thức này tương ứng tư chẳng phải khởi tư duy tư, vì cũng chẳng phải động tác tư v.v... tác chuyển chấp kia lược bỏ không nói. Như Kinh bộ của ông nói các vi tiên ý tức giận sát sinh thì thuộc nghiệp gì, là thân nghiệp hay là ý nghiệp? Nhưng trong đây không có trước sau khởi lên hai tư khác nhau là tư duy, tác sự, do tư duy tư là tác sự, nên không thể lia lỗi lẫn lộn của nghiệp. Y theo văn luận này thì vi tiên ý tức giận không có hai thứ tư, đã xét hai tư chia ra thân nghiệp, ngữ nghiệp, tư không khác nhau, hai nghiệp lẽ ra không có hoặc lẽ ra ý nghiệp tức là thân ngữ nên thành lẫn lộn. Cũng

không nên cho rằng y thân, ngữ tư gọi là thân ngữ biểu, do kia tự thuyết hình sắc là thân biểu vì giả lập chẳng phải thật có, nhưng tư không lẽ là hình sắc chẳng thật có.

### **19. Thế nào là thân biểu:**

Khế kinh nói: Đứng dậy, đón rước, chấp tay, cung kính lễ lạy là biểu nghiệp của thân, các kinh khác lại nói biểu là nghiệp do đây chứng biết, dục tác ý v.v... lần lược đưa tay lên v.v... hình sắc khác gọi là thân biểu, tức là thân nghiệp, cho nên đối pháp tông lập thân nghiệp ngữ nghiệp hợp giáo thuận lý, không có lỗi lẫn lộn. Nay nghiên cứu kinh bộ, các kinh nói biểu là nghiệp, quả lấy nhân đặt tên, chẳng phải nghiệp, hoặc chỗ biểu thị ra đặt tên. Tay, chân v.v... là hình biểu vì tạo tác suy nghĩ, đây lẽ ra gọi là cho đến tâm đều chuyển, là Hữu Bộ nêu ra lỗi, đã huân tập ở tâm công năng khác nhau cùng tâm đều chuyển, thế thì lẽ ra đồng đạo, định cộng giới gọi là tâm tùy chuyển, luận chép: Không có lỗi như thế cho đến tánh độn, là kinh bộ giải thích, đây muốn khen ngợi khác nhau của vô biểu tư, nghĩa ý khác nhau với định vô biểu, dục tán vô biểu do sức dẫn phát động tác suy nghĩ của hai tư, đã gọi là biểu nghiệp, vì phát ra biểu vô biểu, định tâm cô biểu thì không như vậy. do kia tâm lực đồng thời khởi nên gọi là tâm tùy chuyển, như Hữu Bộ tông. Từ biểu nghiệp kia phát sinh vô biểu, cũng do phát biểu nghiệp tư dẫn phát, chẳng phải biểu sắc, vì tánh sắc là độn.

### **20. Nói về Hữu bộ:**

Luận chép: Sư Ty-bà-sa cho đến như trước đã nói, là Luận chủ nói về Hữu Bộ. Luận chép: Kinh bộ cũng nói cho đến vì không có tướng sắc, là Luận chủ trình bày Kinh bộ, đoạn trước nói thân biểu không có thật thể, vô biểu đồng biểu cũng không thật có, nên nói đây cũng chẳng thật có, sở dĩ biết được có ba nhân chứng. Một do trước thế hạn chỉ vì không tạo tác, bản thế đã không nguyện riêng có sắc sinh, nhưng chỉ thế không gây ra nghiệp này, vì sao khác nhau với thế riêng sinh ra sắc, hai là thế sở y đại chủng vì chẳng thật có, đã nương đại chủng quá khứ lập ra sắc vô biểu, đại chủng quá khứ thể là không thật có. Nên biết vô biểu cũng không có tự thể. Ba là nếu thật có thể lẽ ra có sắc kia tướng đối ngại, tướng này đã không có, nên biết không có tự thể.

Theo luận Tỳ-bà-sa thì đây cũng thật có, là Luận chủ nói về Hữu Bộ, luận chép: làm sao biết như thế, là kinh bộ hỏi, làm sao biết sắc vô biểu cũng thật có, nửa bài kệ thứ hai sau đây chứng minh có vô biểu, vô kiến vô đối chứng minh thứ nhất, hữu kiến hữu đối tức là sắc xứ, vô kiến hữu đối là chín xứ còn lại, kinh đã có vô kiến vô đối sắc, do vậy



biết là sắc vô biểu. Lại trong Khế kinh có nói đến sắc vô lậu là chứng minh thứ hai, đã có hữu đối sắc đều là hữu lậu. Có riêng sắc vô lậu, nên biết là sắc vô biểu cho nên là chứng minh thứ hai, sau tổng kết để chứng minh nếu không có sắc vô biểu, trong mười sắc pháp hữu đối nào gọi là vô kiến vô đối và sắc vô lậu, Khế kinh nói phước nghiệp thêm lớn các chứng minh thứ ba, bảy việc phước nghiệp, là thiện nên gọi là phước, tạo tác gọi là nghiệp, chỗ nương gá của Tự gọi là sự. Bảy thứ này có nương phước nghiệp sự, nghĩa là có sở thí như làm chỗ nương gọi là hữu y.

1. Thí nhà trọ cho khách.
2. Bố thí người đi đường.
3. Bố thí người bị bệnh.
4. Bố thí người nuôi bệnh.
5. Thí vườn rừng.
6. Thí thức ăn thường ngày.
7. Bố thí lúc nào cần.

Bảy thứ phước này tâm phát khởi tuy khác mà gây ra nghiệp đã dứt, hoặc đi, thức, ngủ v.v... thời gian hằng thêm lớn, trừ sắc vô biểu hoặc khởi tâm khác và khi vô tâm nương pháp gì mà nói phước nghiệp thêm lớn, không y cũng như vậy, nghĩa là không thí vật cho là sở y, hề gặp Chư Phật tư niệm tùy hỷ tâm cung kính v.v... cũng như có y phước nghiệp thêm lớn. Lại chẳng phải tự tác vì tánh này không khác, cách chứng minh thứ tư. Nếu không có vô biểu chỉ khiển trách người khác làm các việc như sát sinh... lẽ ra không thành nghiệp đạo, đúng lúc khiển trách người sát sinh, vì tự nghiệp chẳng phải sát, thì tự trách người biểu thị không thể sát, lại lúc mà nghiệp sát tự dạy người như trước không khác.

### ***21. Chứng minh:***

Luận chép: Lại Khế kinh nói cho đến liền thành vô dụng là thứ năm chứng minh, kinh nói pháp xứ nội ngoại để chia đó là ngoại xứ, mười hai xứ phần là mười một nơi chốn không thuộc pháp. Nếu dùng hữu kiến vô kiến để phân, tức là vô kiến, hoặc dùng hữu đối vô đối để phân tức là vô đối, sắc, Vô Sắc để phân thì không nói Vô Sắc. Hoặc không dùng pháp xứ có sắc vô biểu, đây là nói thiếu giảm bên thành vô dụng, vì do kia phân pháp khác không chu toàn.

Luận chép: Nếu không có vô biểu cho đến ngữ v.v... không có, là chứng minh thứ sáu, trong tám chỉ có ba chi chánh ngữ chánh nghiệp, chánh mạng, trong định không có ba chi ngữ, nghiệp, mạng. Hoặc không



có vô biểu, pháp gì gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp v.v... nêu như vậy vì sao cho đến thanh tịnh, tươi mát, là kinh bộ vạn hỏi, hoặc cho rằng lúc ở trong định có đủ tám chi, vì sao kinh nói trong tám chi tu tập năm chi tròn đầy, ba chi chánh mạng... lúc trước đã đăc, nên biết tức là định tiền ngữ v.v... ở đây y theo thời gian trước không có lỗi trái nhau, là hữu bộ giải thích. Ở đây nương thời gian trước đã được các hữu lậu, đạo định cộng sắc ở thế gian ,chẳng phải muốn nói định tiền ngữ v.v... cho là chi đạo, nên không có lỗi. Lại nếu bác bỏ mà gọi là Bí-sô, là chứng minh thứ bảy, hoặc không có vô biểu chỉ là ý tư khởi lúc khác duyên thì lẽ ra có, vì sao được gọi là Bí-sô v.v... luận chép: Lại Khế kinh nói cho đến có thể gọi là đề đường, là chứng minh thứ tám, nếu không có vô biểu làm sao trong thời gian dài nối tiếp ngăn dứt các điều ác phá giới, chẳng phải không có tự thể để làm đề đường. Luận chép: Do các dẫn chứng này mà biết thật có sắc vô biểu, tổng kết tám dẫn chứng.

### ***22. Tổng hết tám dẫn chứng:***

Luận chép: Sư kinh bộ nói cho đến nhưng không ứng lý, Kinh bộ chẳng phải trước dẫn chứng, riêng có vô biểu thật thể không ứng ký, luận chép: Sở dĩ như thế là hỏi lý do không ứng lý, luận chép: Trong phần dẫn chứng cho đến gọi là vô đối, là giải thích dẫn chứng thứ nhất, kinh nói thứ ba vô kiến vô đối có là sắc trong cảnh giới định, mắt chẳng thấy được nên gọi là vô kiến không chướng ngại chỗ nơi gọi là vô đối, chẳng phải vô biểu. Luận chép: Nếu cho rằng đã như vậy cho đến thì đồng với vô biểu, là ngăn vạn hỏi của Hữu Bộ, Luận Chánh Lý chép: Giải thích này là phi lý, vì tất cả pháp đều là cảnh duyên của ý thức, ý thức trụ không nhân tức duyên các sắc hữu kiến làm cảnh giới định, chủng loại sắc này khác với các sắc, từ định khởi sinh đại chủng, không chướng ngại lắng trong như Sắc trong hư không. Như thế lý thú nói về nhân của phẩm bốn sự, là giải thích cảnh mộng đã có phân biệt, nên trách như vậy.

Vì sao cảnh định có màu xanh v.v... dài v.v... hiển sắc, hình sắc làm tánh, như chỗ sắc khác chẳng thuộc hữu kiến, nhưng vì từ định khởi sinh đại chủng rất thanh diệu. Lại ở trong định nhãn thức không có nên chẳng phải cảnh của nhãn căn, như sắc trung hữu tuy có đủ hình sắc hiển sắc mà chẳng sinh hữu nhãn có thể thấy. Hoặc như địa trên sắc chẳng phải cảnh của mắt ở dưới, đã có một chút phần sắc xứ ở hiện tại, không cùng một phần nhỏ nhãn căn làm cảnh, vì sao không chấp nhận có chút sắc xứ, không cùng tất cả nhãn căn làm cảnh, lại sắc xứ sở duyên trong mộng lẽ ra là vô kiến vô đối, vì chỉ có cảnh của ý thức, vì

thế trong kinh nói có ba sắc, là dẫn chứng sắc vô biểu thật có lý thành, y theo văn luận trên cảnh sắc xứ trong định chẳng phải cảnh của nhãn căn. Đây là trái với chỗ biết của hai thức sắc xứ, lại đồng phần với kia sắc không hòa hợp với thức, thì trái chánh nghĩa luận Bà-sa. Sắc đối tượng trong mộng tức là các vị khác mắt thấy sắc, không cho rằng ở đây chẳng phải đối tượng của nhãn căn, cảnh định của sắc kia cũng có thể thấy thuộc về sắc xứ, như sắc giải thoát, lúc duyên màu sinh v.v... có thể thấy sắc.

### **23. Giải thích dẫn chứng:**

Luận chép: Kinh đã nói cho đến tức nói vô lậu, là giải thích dẫn chứng thứ hai, trong sắc của cảnh định có sắc vô lậu, tức đây gọi là sắc vô lậu. luận chép: Có các Luận sư khác cho đến nói được gọi là vô lậu. Đây là nói bày chấp của Thí Dụ Sư, mười cõi Sắc hoàn toàn trong thân bậc Vô học và năm cảnh bên ngoài, đều là vô lậu chẳng phải lậu y. Luận chép: Vì sao trong kinh nói cho đến nói đầy đủ là phá chấp của Thí Dụ Sư. Hoặc nói sắc pháp trong thân bậc Vô học, chẳng phải lậu y nên gọi là vô lậu. Vì sao kinh nói pháp hữu lậu, tất cả các nhãn cho đến nói rộng, mười lăm cõi v.v... đã không nói rộng riêng, nên biết tất cả nhãn v.v... đều là hữu lậu. luận chép: Đây chẳng phải lậu đối trị nên được gọi là hữu lậu. Thí Dụ Sư chống chế: Mười lăm giới trong thân Vô học có hai nghĩa đó, chẳng phải lậu y nên gọi là vô lậu, chẳng phải đối trị lâu nên gọi là vô lậu. luận chép: Cho nên ở đây nói hữu lậu cũng vô lậu, là Hữu Bộ vặn hỏi, lia mười lăm giới trong thân, có lỗi lẽ ra vừa là hữu lậu vừa là vô lậu. Nếu vậy có lỗi gì, Thí Dụ Sư hỏi lại, luận chép: Có lỗi lẫn lộn nhau, Hữu Bộ nêu ra lỗi. Luận chép: Nếu y theo lý này cho đến có gì lẫn lộn, là Thí Dụ Sư chống chế chẳng phải lậu y nên gọi là Vô lậu, không y theo lý này gọi là hữu lậu, chẳng đối trị lậu gọi là hữu lậu, không y theo lý này gọi là vô lậu. Y theo nghĩa này nói có gì lẫn lộn?

### **24. Thí dụ sư hỏi lại:**

Luận chép: Hoặc sắc xứ v.v... cho đến âm thanh v.v... cũng như vậy, là Sư Thí Dụ hỏi lại, hoặc mười lăm giới như sắc xứ v.v... hoàn toàn là hữu lậu. Vì sao kinh v.v... không nói thẳng sắc xứ tâm tài phú sự, phân biệt vô lậu, khác nhau mà nói hữu lậu có thủ các sắc tâm tài phú sự, cho nên biết riêng có sắc v.v... vô lậu chẳng phải tâm tài. Tài nghĩa là cất chồi, tức cùng tâm hữu lậu mà sinh, vốn là việc phú chướng, Chánh Lý phá rằng: Lại chẳng phải nhãn v.v... phi lậu đối trị được hữu lậu vì không có đạo lia nhiễm ở thế gian thành vô lậu, lại nhãn kia chẳng như

ý, pháp, ý thức đã nói, cho rằng trong tướng hữu lậu, vô lậu của Phật nói rằng: Rơi vào thế gian ý rơi vào thế gian pháp, rơi vào ý thức thế gian gọi là hữu lậu. Xuất ý thế gian, xuất pháp thế gian, ý thức ra đời gian gọi là vô lậu, chẳng phải trong nhãn... nói như thế. Do vậy biết kia nói chỉ trình bày chấp, theo kinh nói phước nghiệp phát khởi nối tiếp, phá dẫn chứng thứ ba. Trong kinh Bộ Tông Tiên Quỹ Phạm sư giải thích như vậy: Do sức pháp nhĩ thất hữu nương phước phước nghiệp thêm lớn. Như như thí chủ cho đến do các người nhận thọ dụng hơn kém có khác, tâm thí chủ tuy duyên khác, mà đời trước trồng duyên thí tư hậu hậu tâm sinh gọi là nối tiếp, trong thời gian sau sau, biệt biệt mà sanh là lúc chuyển biến năng sinh quả, công năng hơn trước gọi là khác nhau.

### **25. Hữu bộ vạn hỏi:**

Luận chép: Nếu cho rằng vì sao cho đến pháp vô biểu sinh, là ngăn dứt Hữu Bộ vạn hỏi đồng với vô biểu, tại sao người nhận thọ dụng tài vật thí, thì thật có sắc vô biểu thêm lớn sinh. Luận chép: Hoặc với vô y cho đến cũng hằng tùy chuyển, là giải thích vô y thêm lớn, luận chép: Vô biểu luận giả cho đến nào có vô biểu là nạn hỏi lại Hữu Bộ. Phước nghiệp Vô y chỉ là cái việc như tâm niệm ý tư tùy hỷ v.v... chẳng có biểu nghiệp nào có vô biểu. Luận chép: Có thuyết cho rằng có y cho đến thêm lớn nối tiếp, là nêu thuyết khác của kinh bộ, nếu như vậy kinh nói duyên thắng tư kia, là Luận chủ bác bỏ Luận sư khác, do đó chỉ định là ứng lý, là Luận chủ phê bình lấy kinh bộ tiền sư giải thích. Theo Luận Chánh Lý nên hỏi trong đây cái gì nối tiếp, cái gì chuyển biến, cái gì gọi là khác nhau, luận kia trả lời như thế. Tư nghiệp là trước, tâm sau sau sinh, gọi là nối tiếp, cái nối tiếp này đối với lúc sau sau biệt mà sinh gọi là chuyển biến, Vô Gián này có thể lúc năng sinh quả thì công lực hơn trước gọi là khác nhau, như có người lấy thức làm tâm qua đời, đối với tâm này trước tuy có nhiều thứ cảm thọ nhưng sau có nghiệp, mà trong thời gian này chỉ có cực trọng, hoặc chỉ có xuyên tập, hoặc cận tác nghiệp cảm quả công năng hiển bày mê đắm chẳng phải thứ khác (đây đồng với đối pháp luận, trong đây có vân nạn, chẳng phải cực trọng, chẳng phải quán tập, chẳng phải cận tác nghiệp, thời thực này nói lên chấp trước).

### **26. Bác bỏ dẫn chứng:**

Luận chép: Chẳng phải tự tác đến thân, ngũ nghiệp đạo là phá dẫn chứng thứ tư, do vấn gia hạnh người sai bảo y năng người dạy lúc tạo tác thành, pháp nhĩ năng giáo hạt giống trên thể nối tiếp của người kia chuyển biến đến khi sinh quả công năng khác nhau. Do đây đời sau

chiêu cảm nhiều quả, thì sự khác nhau này từ thân nghiệp, ngữ, nghiệp mà sinh, quả đặt tên nhân nên gọi là thân, ngữ nghiệp đạo, thật ra chẳng phải thân ngữ, tự tác rốt ráo nên biết cũng như thế, như nghiệp vô biểu gọi là nghiệp đạo, cũng là quả lấy tên nhân chẳng phải thân ngữ nghiệp. Luận chép: nhưng Đại đức nói cho đến chánh sát sát rồi, là nêu chấp khác, đây là chấp của Đạt-ma-đa-la, luận chép: Chẳng phải do đây mà thành nghiệp Vô Giá. Luận chủ bác bỏ không chỉ do tư tác giải dĩ sát v.v... liền thành nghiệp đạo, thật ra chẳng phải giết mẹ, nghĩa là giết mẹ nên thành Vô Giá. Ở đây đã không thành, tại sao chỉ do tư kia liền thành nghiệp đạo. Luận chép: Nhưng tự tạo cho đến chẳng phải không đúng lý, Luận chủ chấp nhận tự tác một phần do tư thành nghiệp đạo.

### 27. Hữu bộ trách kinh bộ:

Luận chép: Vì sao đối với vô biểu cho đến chuyển biến khác, đây là Hữu Bộ trách kinh bộ có ý nghiêng lệch, nhưng đây cùng kia không khiến sinh hỷ, trả lời không chấp nhận lý do vô biểu, hoặc do đây dẫn đến quả vị lai, trả lời chấp nhận lý do của Kinh bộ tông. Đoạn trước đã nói kinh bộ dẫn thuyết trước chứng minh, thuyết trước nói cái gì, là Hữu Bộ hỏi, nghĩa là biểu nghiệp đã không có thì đâu có vô biểu, là Kinh bộ trả lời. Luận chép: Lại nói pháp xứ cho đến pháp xứ thuộc sắc, phá luận chứng thứ năm, lời văn rất dễ hiểu, luận chép: Nói đạo chi lẽ ra không có tám, đây là nhắc lại luận chứng thứ sáu, vả lại kia nói cho đến nên cầu y (tìm chỗ nương) chẳng? Là kinh bộ hỏi lại Hữu Bộ, luận chép: Tại sao? Là kinh bộ gạn hỏi, do kia liền được, cho đến đặt tên ngữ, nghiệp là Hữu Bộ trả lời. Luận chép: Nếu như vậy tại sao cho đến tám chi Thánh đạo, là kinh bộ y theo Hữu Bộ giải thích nghĩa tự tông gọi là chánh, ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Chánh luận phá rằng: Giải thích không đúng, vì lẽ ra chính kiến v.v... đồng với giải thích này, nghĩa là chánh kiến v.v... cũng có thể so lường như thế, tuy ở đạo vị nhưng không có chánh kiến, mà được y chỉ ý lạc như thế, sau khi nêu ra cách quán do thế lực trước khởi chánh kiến v.v... tà kiến v.v... không do trong nhân đặt tên quả, có thể đủ để an lập tám chi Thánh đạo, nhưng chẳng phải trong quán không có chánh kiến v.v... nếu không có chánh kiến thì đạo lẽ ra cũng không, do lý như thế nên các sư Đối pháp so sánh như thế. Như chánh kiến v.v... đúng lúc ở tại đạo thật có tự thể, lẽ ra cũng thật có các giới vô lậu như chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, luận chép: Có các Luận sư khác cho đến gọi là vô lậu, nói dị sư kinh bộ giải thích, luận chép: Chẳng phải tất cả xứ cho đến điều này cũng nên như

thế, là dị sự dẫn thí dụ giải thích, ý sự này nói do năng lực bên Thánh đạo có thể đạt được quyết định không gây ba tà gọi là chánh ngữ... không có thể tách riêng, ở đây định không thực hành y vô lậu đạo nên gọi là vô lậu chẳng có pháp riêng. Như tám thế pháp không đặc y v.v... ở đây không được không có thể tách riêng, Luận chép: biệt giải thoát luật nghi cho đến biệt giải thoát luật nghi, là bác bỏ luận chứng thứ bảy, đây cũng y theo trước do sức ý lạc, đó là do tư nguyện lực trước tiên lập yếu kỳ có nhất thể định ngăn dứt nghiệp ác của thân, ngữ. Do đây nên lập luật nghi biệt giải thoát, theo ý lạc này tức là tư nguyện.

### **28. Giải thích:**

Luận chép: Hoặc khởi tâm duyên cái khác cho đến nhớ liền dừng, là giải thích chung Hữu Bộ vấn hỏi. Luận chép: Giới là bờ đê cho đến do tâm thọ trì, phá luận chứng thứ tám, do sức tâm thọ trì ngăn dứt việc pha giới pháp ác không sinh, chẳng phải riêng vô biểu. Luận chép: Nếu do vô biểu mà người phá giới hỏi lại Hữu Bộ, hoặc do vô biểu ngăn dứt giới ác, giống như bờ đê bờ đê không bị lở làm sao thất niệm mà có phá giới, luận chép: Vả lại chỉ có đây là ngã sở tông, dứt tránh quy về tông phá rồi lại lập tông, chẳng phải thật lấy nghĩa của Hữu Bộ. Luận chép: Trước nói tánh vô biểu sở tạo đại chúng, dưới đây là thứ hai của đại văn nói về đại năng, tạo, trong đó có ba, một là biểu, vô biểu đại chúng đồng khác, hai là nói lúc tạo đồng khác, ba là y theo địa đồng khác. Đây là thứ nhất. Luận chép; cho đến đại chúng khác sinh, là đáp. Luận chép: Vì sao? Là gạn lại. Luận chép: Từ một hòa hợp cho đến không đúng lý, là giải thích luận chép: Như biểu cùng đại cho đến là có khác nhau, trở xuống là thứ hai nói về khi tạo đồng khác.

Luận chép: Tất cả sắc sở tạo phần nhiều sinh cùng lúc với đại chúng (nghĩa là tất cả tạo sắc hữu đối và tác đều là vô biểu), nhưng hiện tại vị lai cũng có một phần nhỏ y quá khứ. Là vô biểu sau.

### **29. Giải thích văn tụng:**

Luận chép: Phần ít là gì, là hỏi. dưới là nửa hàng tụng, là đáp. Luận chép: Cho đến Đại từ quá khứ sinh giải thích văn tụng. Một niệm ban đầu là tác đều vô biểu, niệm thứ hai đã qua là tác hậu vô biểu, tác đều vô biểu từ đại hiện tại sinh, niệm sau vô biểu từ đại quá khứ sinh. Đây tuy nói rằng đại sinh từ quá khứ, chẳng phải đại chúng đối với quá khứ thế tạo sắc hiện tại, vị lai, là tác câu đại chúng trụ ở thời gian hiện tại. Huyền tạo các niệm vị lai vô biểu y đó mà khởi. Luận chép: Đây là sở y cho đến thủ địa làm chỗ nương, nói sắc vô biểu y có hai thứ một là sở y tức là đại chúng vô biểu năng tạo, hai là chỉ là y tức là tạo đại

chủng của sắc khác tạo ra thân. Trước là chuyển nhân, như tay Chuyển Luân, sau là tùy chuyển nhân, như đất là luân y. Hỏi biểu và vô biểu đại chủng khác nhau, như trước đã giải thích, không nhọc nói lại. Chưa biết tác câu vô biểu cùng niêm sau làm vô biểu sau là đồng một đại hay khác đại ?

### **30. Giải thích ba giải thích:**

Lại niêm sau vô biểu có nhiều Sát-na là đồng một đại hay đều khác? Có người giải thích ba giải thích này khác nhau, không chấp nhận đúng sai, lại đồng chưa giải.

a. Giải thích thứ nhất tạo các vô biểu sau tức dụng tạo vô biểu đại chủng ban đầu, cho đến luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi hai chép: Nếu thành tựu biểu đại chủng cho đến hiện đời sắc sở tạo hiện tại kia phải không? Trả lời đúng vậy. Giả sử thành tựu sắc sở tạo hiện tại là đại chủng hiện tại kia phải không? Trả lời đúng vậy, vì chẳng phải đại chủng hiện tại không có quả, cũng chẳng phải sở tạo hiện tại không có nhân.

Tự giải thích rằng: Do chẳng phải đại chủng hiện tại không có quả, cho nên sẽ thành sắc sở tạo hiện tại cũng chẳng phải sắc sở tạo hiện tại không có nhân, quyết thành tựu đại chủng. Do đây nên biết hiện tại không có đại chủng riêng sở tạo, vị lai vô biểu. Nay xét rõ dẫn văn luận này làm chứng không chắc chắn, văn luận y theo sắc hữu đối, không y theo sắc vô đối. Sinh nhân đại chủng chẳng phải là y nhân, y nhân nghĩa là chẳng phải tạo sắc, vì sắc thô tế chẳng phải một nhân, vì không thể có y nhân đại riêng. Đã xét đại chủng sở tạo khi niêm sau vô biểu hiện tại thành tựu, không thành đại chủng sở tạo hiện tại, khi thành tựu chủng năng tạo hiện tại, vì không thành sắc sở tạo vị lai. Vì sao dẫn văn luận này chứng minh sơ niêm vô biểu và niêm sau vô biểu đồng một đại đạo, giải thích này tuy không trái lý, nhưng lầm dẫn văn luận cho là lỗi.

b. Giải thích thứ hai rằng: Một là có đủ bốn đại tạo sơ niêm vô biểu tức ngay lúc này, có riêng một loại đủ bốn đại tạo các sắc vô biểu của niêm sau kia. Luận Chánh Lý quyển thứ hai mươi giải thích đại chủng đối với sắc sở tạo chẳng phải đồng có trong nhân nghĩa là có thành tựu sắc sở tạo chẳng phải bốn đại chủng. Nếu có thành tựu đại chủng năng tạo không phải sắc sở tạo. Tự giải thích rằng: Dùng văn này chứng minh có khi thành tựu năng tạo, chẳng phải sắc sở tạo, nên biết cũng có đại chủng hiện tại không có sắc sở tạo hiện tại, xa tạo vị lai, nay xét thấy giải thích này trái với lý, giáo và văn luận đã dẫn,



cũng chẳng thành luận chứng. Nói trái lý nguyên nhân nào niệm sau vô lượng Sát-na đồng một đại tạo, sơ niệm vô biểu có nhân riêng nào khác gì đại chủng? Luận chỉ tự nói nhân thô tế khác nhau mà không có văn hiện tại vì lai có nhân riêng, nói trái giáo, theo Chánh Lý giải thích trong văn này là cõi Dục buộc sơ niệm vô biểu cùng đại chủng năng sinh sinh cùng lúc (y theo đây tức tạo sơ niệm vô biểu đại chủng sở tạo vô biểu đồng thời sinh).

Đại chủng này sinh rồi có thể làm sinh nhân vô biểu tự nối tiếp cho tất cả vị lai (theo đây văn trước năng sinh đại chủng vô biểu sơ niệm, có thể làm sinh nhân vô biểu tự nối tiếp tất cả vị lai, vô biểu sinh nhân là tạo nghĩa) đây và Sát-na vô biểu ban đầu đều diệt rồi lúc niệm thứ hai sinh vô biểu, tất cả đều là đại chủng sở tạo tiền quá khứ, đại chủng ở quá khứ này là hậu niệm sau vô biểu sở y vì năng dẫn phát, cùng niệm sau sau vô biểu đồng thời khởi đại chủng trong thân chỉ có thể mà chỗ nương. Đại chủng này nếu không có vì vô biểu không chuyển (y theo đây thì trước năng sinh sơ niệm vô biểu đại chủng, lại không nói riêng có đại chủng tạo sắc vị lai).

Nói dẫn văn luận không thành chứng minh, Luận Chánh Lý chép: Thành tựu năng tạo chẳng phải sở tạo, đây là hy vọng sắc sở tạo vị lai nói chẳng thành tựu tất cả sở tạo, hy vọng pháp khác nhau dùng làm số câu, vì sao dẫn văn này để làm luận chứng.

c. Giải thích thứ ba: Một đủ bốn đại tạo sơ niệm vô biểu tức bây giờ lại khởi nhiều đại chủng, huyền tạo vô biểu vị lai, Sát-na, Sát-na bốn đại tạo riêng, tự hỏi đáp rằng: Một thời kỳ vô biểu số cực nhiều kia, tại sao hiện tại một Sát-na thân, chấp nhận kia rất nhiều năng tạo bốn đại chủng. Nhưng tự giải thích: Dị thực hư sơ dung nhau không có lỗi, nay xét rõ ở đây giải thích trái với giáo lý kia, lại không có văn để chứng minh. Nói trái giáo như trước dẫn văn luận Chánh Lý, nói trái giáo y theo sư Câu xá giải thích Sát-na, như có động vật đo được một cực vi gọi là một Sát-na. Y theo đây mặt trời một ngày một đêm xoay quanh bốn thiên hạ, vì đã đo số cực vi vô biên, tức là Sát-na là số không thể đến. Hoặc y theo ngày đêm ba mươi tu du, Sát-na có hơn sáu trăm bốn mươi muôn, dùng mặt trời để tính mặt trăng, dùng mặt trăng để tính năm, dùng năm tính kiếp, Sát-na, Sát-na vô lượng vô biên, mỗi Sát-na có bảy cù bốn chủng, mỗi đại chủng lại có bảy hạt bụi, tức là đối với một Sát-na có hai mươi tám hạt bụi, tính căn sắc hư sơ kia còn không được cho tạo một ngày một đêm vô biểu bốn đại cực vi, làm sao chấp nhận được một trăm năm tám muôn tuổi.



Không có văn để chứng minh, hễ đã lập nghĩa dẫn lý giáo, đã trái giáo lại không có văn, làm sao thành nghĩa phải dẫn. Tuy nghĩa này có ba giải thích không giống, không phê bình phải trái, khác gì không giải. Nay nói giáo lý tạo sơ niệm vô biểu đồng một đại đạo với vô biểu ở niệm sau, lý giáo rõ ràng, không thể trái ngược, như trước đã nói. Luận này dùng chuyển nhân thình đồng tạo nhân, chuyển gọi là khởi, đây sắc nhân quá khứ năng tạo đại chủng khởi, cho nên là chuyển nhân. Y hiện thân đại chủng, vì thế tùy chuyển nhân, như lúc luân chuyển, do tay mà chuyển, cũng y địa chuyển luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi ba chép: Hữu sắc hiện tại chẳng phải sở tạo đại chủng hiện tại, nghĩa là đại chủng hiện tại nếu sở tạo đại chủng hiện tại quá khứ. Ở đây thế nào? Đó là hiện tại biểu sanh khởi vô biểu sở tạo đại chủng quá khứ, cho nên như trước đã nói. Hỏi sắc vô biểu này cũng có đại chủng sở y hiện tại, vì sao không nói? Đáp vì kia là chuyển y chẳng phải tạo y, sắc vô biểu này có hai thứ y: Một là chuyển y đó là đại chủng hiện tại do sức chuyển kia; hai là tạo y, là đại chủng quá khứ do sức tạo kia. Trong đây chỉ nói tạo y không nói chuyển y, do vậy không nói năng tạo năm nhân, vì đều là quá khứ (giải thích rằng: Luận Bà-sa, luận này và luận Chánh Lý tên tuy hơi khác nhưng nghĩa giống nhau).

### **31. Giải thích hữu lậu tự địa y:**

Thế nào là địa thân ngữ nghiệp, thế nào địa đại sở tạo? Dưới đây là thứ ba y theo địa nào nói tạo đồng, khác. Luận chép: Cho đến Đại chủng sở tạo, đây là giải thích hữu lậu tự địa y, vì sắc hữu lậu lệ thuộc tự địa, lại dùng tự địa đại chủng sở tạo cũng do tự địa có đại chủng, không dùng tha địa đại chủng sở tạo, hỏi lúc thân ở địa dưới khởi định cõi trên, dùng đại tạo địa trên trong thân địa dưới. Địa trên nhiều sắc, bốn đại chủng kia là ở chỗ nào? Đáp: Luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi bốn chép hỏi nếu lúc sinh cõi Dục cõi Sắc đại chủng hiện ra trước, chỗ nào hiện tiền? Có thuyết cho là giữa hai đầu chân này, hoặc đầu chốt mũi, có thuyết nói bên trái tim, có thuyết cho là cạnh rốn, có thuyết cho là ở ngón chân. Có các thuyết như vậy, tùy gia hạnh trước an tâm chỗ nơi là chỗ hiện tiền, có các Luận sư khác nói, đại chủng ở cõi Dục thô, cõi Sắc đại chủng tế, tế vào lỗ hổng của thô như dầu thấm vào cát, song căn bản Tĩnh lực lúc hiện ra trước. Cõi sắc đại chủng khắp trong thân khởi định cận phần lúc hiện ra trước, cõi Sắc đại chủng chỉ khởi bên tâm, có thuyết cho định cận phần hiện ra trước, cõi Sắc đại chủng cũng hiện khởi khắp thân, nhưng nuôi lớn thân không bằng căn bản.

### **32. Ví dụ làm sáng tỏ:**

Như có hai người cùng xuống ao tắm, một người ở trên mức nước xối thân, còn một người xuống nước ao dầm mình mà tắm gội, cả hai người dùng nước mặc dù đều khắp thân, nhưng người nuôi lớn thân xuống nước là hơn, giải thích sau là hơn, vì tùy định mạnh yếu đều tỏa khắp thân. Nếu thân ngữ nghiệp cho đến vô lậu sinh, giải thích này vô lậu tùy chỗ sinh, hoặc vô lậu y năm địa thân, tùy sinh địa nay ứng khởi hiện tiền, tức dùng địa này sở tạo bốn đại chủng, do pháp vô lậu không ràng buộc phạm vi, cho nên không dùng đồng địa đại tạo, vì hẳn không có đại chủng là vô lậu, không có đại chủng vô lậu tạo sắc vô lậu. Do sức sở y vô lậu sinh, bèn dùng bốn đại sở tạo tùy thân kia.

### 33. *Nói về biểu vô biểu:*

Luận chép: Biểu, vô biểu loại ấy là gì? Hai câu văn tụng dưới đây, là thứ ba trong đại văn nói loại chấp thọ khác nhau? Luận chép: Cho đến không biến ngại, đây là giải thích vô biểu chẳng phải chấp thọ, luận chép: Cũng là tánh đẳng lưu cho đến là đồng loại nhân sinh: là giải thích vô biểu có năm thứ, cũng nói hiển sắc kia gồm có Sát-na, tức là pháp khổ trí nhãn đồng thời đạo cộng giới, chỉ có thiện, bất thiện nên chẳng phải dị thực sinh, không có cực vi nhóm hợp nên chẳng được nuôi lớn. Nhân Đồng loại sinh nên có tánh đẳng lưu, cùng khổ nhãn chung nên cũng là Sát-na, vì là pháp hữu vi nên chẳng phải sự thật. Luận chép: Đây chỉ có hữu tình y nội khởi, là giải thích nghiệp vô biểu là hữu tình, luận chép: Trong đó cõi Dục đại chủng sở tạo, là nói đại chủng sở y của tán vô biểu chỉ là tánh đẳng lưu, vì nhân đồng loại sinh, chẳng phải nuôi lớn, vì nhân v.v... tâm khởi không thể nuôi lớn hay sinh các đại chủng vô biểu, chẳng phải nhân dị thực sinh nên chẳng phải dị thực, chẳng phải vô lậu nên chẳng phải Sát-na, đó là pháp hữu vi nên chẳng phải sự thật.

Hỏi đại chủng này cái gì là quả đẳng lưu? Luận Chánh Lý chép: nói như thế từ vô thủy đến nay chắc chắn có năng tạo, vô đối tạo sắc đã diệt đại chủng là nhân đồng loại sinh ra đại chủng đẳng lưu hiện thời. Tạo có đại chủng biểu nghiệp lẽ ra cũng từ vô thủy đến nay quả đẳng lưu của đại chủng đồng loại, chẳng phải từ dị loại. Lại chép: Vì sao định tâm sinh vô biểu, là không phân biệt khác đại chủng sinh ra, tán vô biểu sinh y phân biệt khác đại. Định sinh bảy chi vô biểu xoay vần đối nhau lực sinh đồng một quả, chỉ từ một mà có đủ bốn đại chủng sanh, vì tán đây trái nhau y khác đại. Hỏi: Như giới không sát sinh đối với nhiều hữu tình đều có một loại bất sát là đồng bốn đại hay khác bốn đại? Đáp đồng một đại chủng, theo luận Chánh Lý, tuy đối phân biệt khác hữu

tình nối tiếp, phát nhiều nghiệp vô tham sinh vô biểu, chỉ có một mà có đủ đại chủng làm nhân, để sinh quả loại không khác.

### **34. Giải thích hai thứ định sinh:**

Nghi rằng: Đây nhiều loại vô tham sinh vô biểu chẳng phải là một quả làm sao đồng với đại tạo? Luận chép: Định sinh vô biểu cho đến vì không khác nhau, đây là giải thích hai thứ định sinh, và chỉ y theo định tâm nuôi lớn đại chủng được sinh. Do định tâm chung hẳn có sự thù thắng nuôi lớn đại chủng có công năng làm sinh nhân tạo định tâm chung cho tất cả vô biểu, cho nên định đều không chấp thọ, Luận Chánh Lý chép: Vì là quả định tâm cho nên hẳn không có ái tâm chấp đại chủng này cho là tự thể trong hiện tại. Lại đại chủng này không có các tướng chấp thọ khác nên gọi là không chấp thọ, luận chép: Nên biết có biểu cho đến đồng với tán vô biểu, thứ hai là giải thích biểu nghiệp. Nếu thuộc thân là thân nghiệp, không thuộc thân là ngữ nghiệp kia, thân nghiệp hòa hợp với thân nên có chấp thọ, ngữ nghiệp là âm thanh nên không chấp thọ. Đã là nghiệp tánh, dĩ biểu là tình, không có phi tính là nghiệp tánh, lời nói của hóa nhân đã không có được, nên biết chẳng phải nghiệp.

Phẩm Loại Túc luận chép: các biểu nghiệp không chấp thọ, có nhiều vị truyền lầm. Nếu không như vậy thì luận Bà-sa và các luận khác lẽ ra hội hợp giải thích, ngoài ra nghĩa đều đồng với tán vô biểu. Đó là hữu tình số và y đẳng lưu có thọ, khác với bốn đại chủng khác mà khởi. Luận chép: Biểu nghiệp lúc sinh cho đến thì không như vậy. Dưới đây phân biệt hỏi đáp, nếu thế thì có lỗi gì, cả hai đều đặt câu hỏi lại, đều có lỗi gì. Nếu phá hoại thì cả hai hình tượng đều thành, cả hai nêu ra lỗi, lời văn rất dễ hiểu, luận chép: Có phân biệt mới sinh, cho đến không phá bốn thân, đây là giải thích hai câu vấn hỏi.

### **35. Hỏi đáp:**

Luận chép: Nếu thế tùy y cho đến làm sao sinh biểu cùng khắp: Là lặp lại câu vấn hỏi? Luận chép: Thân có lỗ hổng nên dung nạp được nhau, là đáp. Luận Bà-sa, Chánh Lý lại có một giải thích, đó là như nhiệm chi thể mỏng dần nên không tăng. Luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi bốn chép: Hỏi ở cõi Dục trong thân trước có lỗ hổng, đại chủng ở cõi Sắc đến nhập vào đó chẳng? Đáp: Không đúng thân ở cõi Dục vị lai tự có hai thứ: Một là chỉ đại chủng cõi Dục; Hai là đại chủng tạp cõi Sắc. Hoặc lúc ấy gặp duyên nhập định cõi Sắc, thì kia chỉ có cõi Dục liên diệt, cõi Sắc tạp liền sinh nên không thể nói trước có lỗ hổng sau đến trụ trong đó (giải thích nếu chưa đến hiện tại không thể nói có

lỗ hồng, hoặc hiện tại ở thế gian gọi là lỗ hồng? Lại chẳng thể nói vị lai nhập vào đó, hoặc vị lai nhập vào trong thì đến niệm sau, do vậy hiện tại vị lai đồng thời với sắc địa dưới) luận Bà-sa quyển một trăm hai mươi hai chép nhưng biểu, vô biểu y thân mà khởi, có y một phần như búng ngón tay, giở chân v.v... một phần động chuyển gây ra nghiệp thiện ác, có y toàn phần như lễ Phật, theo kẻ thù động tác cử thân gây ra nghiệp thiện ác. Trong đây tùy thân sở y số lượng cực vi biểu nghiệp cũng thế, như số lượng biểu, vô biểu cũng như thế.

### **36. Nói rộng về nghĩa môn:**

Luận chép: Đã nói nghiệp môn cho đến khác nhau thế nào? Dưới đây một nửa bài tụng, thứ tư nói rộng về nghĩa môn, luận chép cho đến quả vẫn tiếp tục khởi, đây là giải thích vô biểu chỉ chung thiện, bất thiện, vì vô ký không có công năng phát ra vô biểu. Do đó vô biểu chỉ là thiện ác. Ngoài ra đều nói về thiện, ác, vô ký đây là giải thích biểu nghiệp và tứ có cả ba tánh, đó là thân ngữ và là ý tứ đều có cả ba tánh. Vì trong đó bất thiện cho đến vô tâm vô quý, là giải thích bất thiện chỉ ở cõi Dục, tự Tánh bất thiện là ba pháp bất thiện và vô tâm quý. Tự.. tương ưng với đây nên thành bất thiện, thân ngữ biểu nghiệp do đây mà khởi nên thành bất thiện, cõi trên đã không có tự tánh bất thiện, do đây cũng không có các nghiệp bất thiện, luận chép: vì thiện và vô ký cho đến không ngăn dứt riêng, là giải thích thiện, vô ký chung cho các cõi khác. Kệ tụng đã không ngăn các địa, nên biết khắp các cõi, tự tự tánh thiện và tự tánh vô ký vì khắp các địa, tương ưng, đẳng khởi, tùy theo sự thích ứng kia cũng có ở cả các địa.

Luận chép: Cõi Dục cõi Sắc cho đến luật nghi thân ngữ, là giải thích cõi Vô Sắc không có nghiệp vô biểu, một là do cõi Sắc không có đại chủng, hai là do cõi Vô Sắc không có thân, ngữ chuyển nên cõi Vô Sắc không có vô biểu. Nếu vậy thân sinh cho đến cõi vô lậu vô biểu, là nạn vấn. Hoặc đối với xứ này có thân, ngữ chuyển thì có vô biểu. Như đối với cõi Dục cõi Sắc khởi định Vô Sắc lẽ ra có giới vô biểu, như cõi Dục cõi Sắc khởi định vô lậu, có thì có vô lậu vô biểu. Không như vậy dùng đại chủng kia là chỗ nương, là giải thích vì vô lậu không rơi vào giới, không có đại chủng vô lậu, nên thân ở cõi Dục cõi Sắc nhập định vô lậu. Vì y thân sinh xứ đại chủng tạo, hữu lậu ràng buộc địa không thể nói hữu lậu vô biểu phân biệt phạm vi đại tạo, lại không thể nói không có đại tạo. Luận Bà-sa quyển mười bảy chép giới vô lậu chẳng phải năng lực của đại chủng nên thành vô lậu, chỉ do tâm lực tùy tâm vô lậu đẳng khởi. Giới vô lậu do năng lực đại chủng hệ thuộc phạm vi, giới địa

nên không tương tự, luận chép: Lại trái các sắc cho đến hàng phục sắc tương, là giải thích lại. Vì định cội Vô Sắc trái với các sắc, vì định kia năng hàng phục sắc tương, vì thế Vô Sắc không có sắc vô biểu.

Luận chép: Sư Tỳ-bà-sa cho đến không có sắc vô biểu Luận chủ dẫn luận Bà-sa giải thích rất dễ hiểu. Luận chép: Biểu sắc chỉ ở cho đến có thể nói hữu biểu, đây là giải thích biểu nghiệp có hai địa. Nói có từ là hiển bày Tính lự trung gian hữu biểu nghiệp, luận chép: Hữu phú vô ký biểu cho đến kiều tự khen v.v... là giải thích hữu phú biểu chỉ có địa trên, do siểm, cuống là hữu phú vô ký nên phát nghiệp tánh kia cũng đồng. Luận chép: Địa trên đã không nói cái gì đặc có tinh xứ, là hỏi, luận chép: Có ngoại đại chủng mà nhân phát ra âm thanh, là đáp. Ngoại đại chủng mà nhân kích phát nội thân xứ, do nội thân này có ở tinh xứ.

### ***37. Nêu thuyết khác:***

Luận chép: Có Luận sư khác nói cho đến vì yếu cho nên dứt, là nêu thuyết khác, vì hạ thiện yếu kém, vì nhiệm hạ dứt đây là sư Tạp Tâm giải thích.

Luận chép: Trước nói là thiện, bình luận chấp sư trước, luận chép: Lại vì sao cho đến vô ký biểu nghiệp, đây là hỏi địa trên không có tất cả biểu, cho nên cội Dục không có phú biểu, luận chép: Do không phát nghiệp hữu phú vô ký biểu. Là đáp: Nói vì vô đẳng khởi, chẳng phải chỉ giải thích hữu phú vô ký, giải thích chung địa trên vô biểu nghiệp trước, chỉ có tâm tâm từ năng phát biểu nghiệp, vì địa trên không có tâm từ nên không có tất cả biểu nghiệp. Lại tâm biểu nghiệp chỉ tu thì dứt, cội Dục không có tu dứt tâm hữu phú nhiệm, cho nên cội Dục không có hữu phú biểu nghiệp.

### ***38. Nói về bốn thứ thiện:***

Luận chép: Vì chỉ do đẳng khởi cho đến do nhân gì thành, dưới đây một bài tụng rươi, là do luận sinh luận, là thứ năm nói về bốn thứ thiện, cũng như không bị bệnh, đây là giải thích thắng nghĩa thiện thứ nhất. Do Niết-bàn là an ổn nhất trong các pháp, các khổ vắng lặng hẳn là nghĩa trên hết, nên ở đây gọi là thắng nghĩa thiện. Theo Luận Chánh Lý có hai cách giải thích: 1. Giải thích đồng như trước. 2. Giải thích hoặc chân giải thoát là thắng là nghĩa được gọi là thắng nghĩa. Thắng nghĩa là tối tôn, không có gì bằng, chữ Nghĩa đó là phân biệt riêng có thể tánh chân thật. Đây là nói lên Niết-bàn vô đẳng thật có nên gọi là thắng nghĩa, thắng nghĩa an ổn như thế gọi là Thiện, vì Niết-bàn như thế là thiện thường, đối với tất cả pháp, thể của nó là trên hết, do vậy

chỉ nêu thiện Thắng nghĩa này.

Luận chép: Tự tánh thiện cho đến cũng như thuốc hay, đây là giải thích thứ hai là tự tánh thiện, vì vô tầm vô quý có hai nghĩa, một chỉ là bất thiện, hai là khắp tâm bất thiện, ba căn bất thiện có đủ năm nghĩa: Một là ở khắp năm bộ; Hai là khắp sáu thức; Ba là tánh tùy miên; Bốn là khi dứt gốc lành tác gia hạnh chắc mạnh; Năm là hay phát hai nghiệp thân, ngữ thô ác. Do năm thứ này là tự tánh bất thiện sức tác dụng mạnh, đồng với tâm khác do tương ứng với đây thanh tương ứng bất thiện. Thiện trái với đây nên gọi là tánh thiện, đã là tự tánh thiện nên dụ cho thuốc hay, vì thế không đối đãi với các thứ khác, thành tánh thiện. Luận chép: Tương ứng thiện cho đến như nước có lẫn nhiều thứ thuốc. Đây giải thích thứ ba là tương ứng thiện. Các tâm, tâm sở thành tánh thiện, phải do tương ứng với tâm v.v... kia mới thành thiện, như nước có lẫn nhiều thứ thuốc cũng là thuốc, vì xen lẫn thuốc.

### **39. *Đẳng khởi thiện:***

Luận chép: Đẳng khởi thiện cho đến dẫn sinh sữa, đây là giải thích thứ tư là đẳng khởi thiện, đó là thân ngữ biểu và vô lậu biểu nghiệp bốn tướng đặc nghiệp, do hai tâm sở thiện đẳng khởi nên thành tánh thiện. Theo luận Bà-sa quyển một trăm bốn mươi bốn thì ba tánh nói rộng về hai mươi hai căn, có một Luận sư nói có bốn thứ thiện và bất thiện v.v... đồng với luận này. Theo Luận Chánh Lý quyển ba mươi sáu cũng nói đồng với luận này, nên biết bốn thứ thiện và bất thiện là Hữu Bộ tông xưa được bảm thọ nghĩa, chẳng phải Bồ-tát Thế Thân mới thành lập. Có người cho rằng dẫn luận Câu xá của ngài An Tuệ để giải thích nói theo sự thật thì đều là tự tánh thiện. Nhưng A-xà-lê Thế Thân lập bốn thứ tùy nghĩa hơn kém mà đặt tên khác nhau. Trong thiện trên hết gọi là thắng nghĩa thiện, kế mạnh là lập tự tánh thiện, yếu kế là lập tương ứng thiện, yếu nhất gọi đẳng khởi thiện là sai lầm! Nếu giải thích như thế chỉ dùng thắng nên gọi là Tự tánh, không phù hợp với danh, nghĩa, không đợi tha thành thiện, v.v... nên gọi là tự tánh. Đợi cái khác Thánh nên gọi là tương ứng, như thuốc và nước xen lẫn.

Hỏi: Nếu thế thì vì sao luận Bà-sa quyển hai giải thích rằng nay nên hỏi luận kia, hoặc chỉ có năm căn là tự tánh thiện, còn tự tánh pháp thiện khác thì sao? Nếu cho rằng kia là bất thiện vô ký xen lẫn năm căn nên cũng gọi là Thiện, thì năm căn như thế và xen lẫn kia vì sao không gọi là bất thiện, vô ký, nhưng năm căn như tín căn... cùng các pháp là đồng một sở y hay đồng một hành tướng, đồng một sở duyên, đồng khởi, đồng trụ, đồng diệt, đồng quả, đồng một đẳng lưu, đồng một dị



thực, mà nói năm căn là tự tánh thiện, còn tương tạp khác thì giả đặt tên thiện, chỉ thuận vọng tình không đúng Chánh Lý, chẳng có lỗi này nên nói căn của pháp Thế đệ nhất chẳng phải căn tánh. Đây là y theo luận Bà-sa không lập tương ứng đẳng khởi v.v... lý do gì nói là sai lầm? Là trả lời luận Bà-sa thứ hai khác với ý này, dị sư kia nói, năm căn là pháp Thế đệ nhất, vì tự tánh là thiện. Ngoài ra chẳng phải pháp Thế đệ nhất. Do tự tánh chẳng phải thiện, tương ứng với thiện giả đặt tên là thiện. Do đây luận Bà-sa chép chỉ thuận với vọng tình, nay bốn thứ thiện này thì không như thế, hoặc tương ứng thiện, hoặc đẳng khởi thiện, tánh đều là thiện, chẳng phải giả đặt tên thiện. Tự tánh thiện kia không nhờ pháp khác mà thành thiện, tương ứng đẳng khởi cần pháp khác mới thành tánh thiện, nên không gọi là Tự tánh thiện.

Hỏi: Nếu thế, lúc chưa tương ứng thì trước là tánh gì?

Đáp: Từ khi có tự thể đến nay, thường cùng tự tánh thiện chung nhau thường hằng gọi là tánh thiện. Thiện do cái khác lập nên chẳng phải tự tánh, do nghĩa tánh vô tham là thiện nên không tương ứng nghĩa tánh thiện. Luận chép: Hoặc khác loại tâm, cho đến đây nghĩa ứng với Tư, Luận chủ bác bỏ đẳng khởi thiện của Hữu Bộ, y theo đây nên biết không phải Luận chủ mới thành lập bốn thứ thiện. Dị loại tâm sở khởi đắc, đó là tâm nghi tục thiện tục sinh tâm đắc tự địa sinh đắc thiện. Theo Luận Chánh Lý thì do tâm dị loại cũng khởi các đắc, như do Tĩnh lực mà được tâm thông quả, tâm thắng vô ký hiện ra trước nên được các pháp nhiệm, thắng nhiệm ô tâm hiện tại tiên nên được các pháp thiện, chữ đẳng ở đây tại sao thành tánh thiện v.v... Do y theo pháp kia đều được sinh, thậm nói như vậy, chẳng phải dị loại tâm không tạo tác duyên khởi nên không có lỗi (giải thích: Nói đẳng khởi y theo các pháp như thiện v.v... cùng khởi được các tên, không y theo trước sau, tâm dị loại khởi là theo pháp trước sau mà được chẳng phải ở đây nói).

Tuy tâm dị loại cũng là duyên khởi mà thành thiện v.v... chẳng đối đãi với tâm kia, hoặc nhân kia mà được các đẳng khởi, tức đợi kia mà thành đẳng tánh, cho nên được do đẳng khởi thành thiện đẳng tánh khác (giải thích: Tuy tâm dị loại cũng là duyên khởi thành tự thiện, bất thiện... chẳng đợi tâm dị loại kia, hoặc do tâm dị loại kia mà các đắc và bốn tướng khởi với tâm đối đãi dị loại, đắc và bốn tướng thành thiện v.v... chỉ đắc và bốn tướng này, do pháp sở đắc và pháp sở tướng khởi. Đối đãi sở đắc, sở tướng, pháp thành thiện đẳng tánh, do vậy đắc v.v... do đẳng khởi thành thiện đẳng tánh khác nhau. Trong hai giải thích này, giải thích sau là hơn). Luận chép: Như nói tánh thiện cho đến trái



với luận này, dưới đây nói về bốn pháp bất thiện, Luận chép: trái nhau thế nào? Là hỏi Thắng nghĩa bất thiện cho đến giống như bệnh nặng lâu ngày khó chữa, ngược với Niết-bàn lập sinh tử, tức là sinh tử gọi là thắng nghĩa bất thiện, do pháp hữu lậu trong sinh tử đều là hạnh khổ, tự tánh bất an tánh, bất an giống như bệnh nặng, người có bệnh này thường không an ổn, Luận chép: Tự tánh bất thiện cho đến giống thuốc độc, trái với tự tánh thiện lập tự tánh bất thiện. Luận chép: Tương ứng bất thiện cho đến như nước có chất độc, trái với tương ứng thiện lập tương ứng bất thiện.

#### **40. Đăng khởi bất thiện:**

Luận chép: Đăng khởi bất thiện cho đến dẫn sinh sữa, trái với đăng khởi thiện lập đăng bất thiện, do đó nên nói trái với luận này. Luận chép: Nếu thế thì không cho đến đều thuộc sinh tử là hỏi? Tất cả hữu lậu đều thuộc sinh tử, đều là bất thiện, vì sao trong đó có thiện, vô ký? Luận chép: Nếu y theo thắng nghĩa thì không có lỗi, y theo nghĩa bất đồng đặt tên có khác, không do hạnh khổ, rất không an ổn thì tất cả hữu lậu đều là bất thiện. Hoặc không nhận lấy quả và nhận ái quả, xếp riêng vào thiện và gọi là vô ký, y theo nghĩa đã nói rộng lỗi lầm nên không có, thắng nghĩa vô ký lại không có dị môn, là giải thích vô ký. Theo Luận Chánh Lý thì chẳng phải trạch diệt và hư không càng không có dị môn, chỉ có tánh vô ký, nên chỉ lập thắng nghĩa vô ký, không có tự tánh riêng, tương ứng, đăng khởi. Vì không có một tâm sở nào chỉ vô ký tánh tương ứng khắp với tâm vô ký, bày phương tiện lập tự tánh... ba tánh pháp cũng nhiếp không hết, vì phần nhiều là vô ký, do đó vô ký chỉ có hai thứ: Một là thắng nghĩa; hai là tự tánh, hữu vi vô ký thuộc tự tánh, không đối đãi nhân khác vì thành vô ký, vô vi vô ký là thuộc thắng nghĩa, vì tánh là thường không có môn khác.

Hỏi nếu chỉ có hai thứ, vì sao luận Bà-sa quyển tám mươi bảy chép ở cõi Dục có năm vô ký: Một là dị thực sinh; Hai là oai nghi lộ; Ba là công xảo xứ; Bốn là tâm thông quả; Năm là tự tánh vô ký. Cõi Sắc có bốn trừ công xảo xứ, cõi Vô Sắc có hai đó là dị thực sinh và tự tánh vô ký, vì sao không giống nhau? Trả lời: Y theo nghĩa cho nên khác. Trong đây theo Chánh Lý chẳng phải thắng nghĩa và chẳng tương ứng, chẳng do đăng khởi vì thành vô ký. Các pháp hữu vi vô ký đều gọi là tự tánh, ý luận Bà-sa cứ dị thực sinh nên không thuộc đặt tên tự tánh, chẳng phải trái nhau. Luận chép: Đối với điều này nên suy nghĩ cho đến so sánh lẽ ra cũng như thế, là nạn, vì đại chủng cũng do tư v.v... mà khởi, nên lẽ ra thành thiện, ác, luận chép: Do tâm tác giả cho đến nên không thành vi

du là đáp. Luận chép: Nếu vậy định tâm là lao nhọc, là Luận chủ gạn hỏi. Dù cho lao nhọc có cả khó khăn này. Theo Luận Chánh Lý, lại như nhân v.v... không đợi tâm sinh, tánh kia bèn không có sự khác nhau như thiện v.v... vì đại chủng như thế không đợi tâm sinh, theo lý cũng không phải thiện v.v... khác nhau, như vậy các đắc và sinh tướng sanh v.v... Lẽ ra không có đẳng khởi thiện v.v... khác nhau, do chẳng phải vốn tâm sở dục khởi, vì trong vị vô tâm cũng hiện khởi, câu hỏi này phi lý.

#### **41. Lại nói về thiện:**

Do thế lực của pháp an lập thiện v.v... khác nhau mà thành, đó là đắc bốn tướng y pháp mà lập, chẳng phải như đại chủng không đợi tự thành. Trong pháp hữu vi chẳng có một pháp nào không nhờ tâm lực mà thành thiện, bất thiện, do vậy các đắc và tướng sinh v.v... như pháp yếu sở thuộc do tâm lực thành tánh thiện v.v... lý ấy khéo thành, sinh đã lia tâm tuy nối tiếp chuyển, cũng không có lỗi. Là thế lực của tâm trước dẫn sinh làm cho chuyển, tùy định vô biểu mà các lực như định v.v... sinh, theo lý lẽ ra cũng thành tánh thiện đẳng khởi. Thiên nhân, thiên nhĩ, lẽ ra cũng thuộc tánh thiện, vì tâm thiện sở đẳng khởi, đây là gạn hỏi phi lý, do hai thứ kia có cả đạo tâm giải thoát là vô ký, vì hai thứ đó sinh cùng lúc với Đạo, chung đây tợ khó khăn, đâu phí sự lao nhọc. Có người cho rằng:

Sư Câu xá bác bỏ rằng: hoặc thiên nhân, thiên nhĩ do với đạo vô ký sinh chung, là vô ký: Đã do đạo lực lẽ ra gọi là đẳng khởi. Nếu nói không do đạo lực kia nên thành vô ký, đạo sinh chung sao nói thành giải thích, thật ra vặn hỏi chưa thông, lao nhọc lại tổn phí nay xét thấy, ở đây phá tợ phi văn này phần nhiều chỉ phá một, chống chế, đối với đây trong một lại chẳng phải thích đáng. Luận chủ dùng đạo là thiện nhân căn, vô ký nên dùng làm đầu mối để gạn hỏi. Chống chế rằng: Đạo là vô ký tánh đồng với nhân căn, vặn hỏi tự bất thành, lại gạn hỏi đẳng khởi tại sao chia ra nghĩa này. Như trên đã nói cho đến vì sao: Dưới đây ba bài tụng thứ sáu là nói hai pháp đẳng khởi.

#### **42. Nêu hai Đẳng khởi:**

Luận chép: Cho đến thứ hai gọi là tùy chuyển, nêu hai đẳng khởi, nghĩa là nhân đẳng khởi, gọi là tùy chuyển, giải thích hai pháp đẳng khởi gọi là chuyển tùy chuyển. Tùy chuyển đối với nghiệp có công năng gì? Luận chép: Tùy trước có nhân cho đến như tử nghiệp lẽ ra không có, là đáp, tùy chuyển nếu không có thì tức là nghiệp vô biểu.

Như chết là vô tâm, có thân mà vô nghiệp. Luận Chánh Lý chép: Nói nếu không có tùy chuyển, tuy trước có nhân mà năng dẫn phát, như

vị vô tâm, hoặc như thầy chết, biểu thị lẽ ra không chuyển. Tùy chuyển đối với biểu có công năng chuyển, vô biểu không y theo tùy chuyển mà chuyển, vô tâm cũng có vô biểu chuyển. Luận chép: Nếu thế vô tâm vì sao phát sinh giới, là vạn hỏi. Sa-di chứng quả Na-hàm cho đến lúc Yết-ma nhập định vô tâm, đây cũng đặc giới, đã không có tùy chuyển cũng như người chết, vì sao Na-hàm năng phát sinh ra giới, luận chép: Những người có tâm đối với nghiệp có tác dụng, là đáp, những người có tâm y căn bản biểu phát sinh giới vô biểu, nghiệp khởi rõ ràng, những người vô tâm y gia hạnh biểu phát ra giới nghiệp vô biểu khởi không rõ ràng. Do tâm tùy chuyển có nghiệp căn bản nghiệp không căn bản, nên tâm tùy chuyển đối với nghiệp có công dụng.

#### **43. Giải thích kiến thì dứt:**

Luận chép: Kiến thì dứt thức cho đến ở đây không có, là giải thích kiến thì dứt thức chẳng phải Sát-na đẳng khởi, đối với năng khởi biểu cận nhân đẳng khởi trong đó sinh tâm tứ làm tư lương, do vậy là nhân xa, vì đúng lúc khởi nghiệp tâm thô tán. Kiến thì dứt thức lúc ấy không khởi, hoặc khởi kiến thì dứt thì nghiệp kia liền dứt. Theo Luận Chánh Lý kiến thì dứt thức cho đến chắc chắn không thể làm Sát-na đẳng khởi. Kiến thì dứt thức tuy năng tư lương mà không có công năng động thân phát ra lời nói, nhưng ở trong một biểu nghiệp động phát, có chứa nhiều tâm tư lương động phát, chỉ một niệm sau cùng biểu hiện hành chung. Khác với biểu này lẽ ra chẳng phải tánh Sát-na, kiến thì dứt thức mặc dù có công năng làm chuyển phát nghiệp hữu biểu nhưng chẳng phải biểu nghiệp đối với thức này mà Vô Giác sau liền sinh, nội môn chuyển tâm không thể dẫn khởi cùng thân, ngữ biểu đi chung với hành thức. Nếu khác với đây thì tâm kiến thì dứt lẽ ra đối với biểu nghiệp cũng là Sát-na đẳng khởi, do tu thì dứt gia hạnh ý thức năng Vô Giác dẫn biểu chung hạnh tâm, cũng đi chung với biểu là Sát-na đẳng khởi.

Do vậy, thì dứt tuy có công năng làm nhân dẫn sinh các biểu nghiệp, lia nhân tu thì dứt đẳng tâm biểu đi chung với hành tâm không cho được khởi. Vì thế cõi Dục không có hữu phú vô ký biểu nghiệp, nhưng trong Khế kinh chỉ y theo xoay vẫn là nhân đẳng khởi, thậm nói như vậy: Do tà kiến nên nói lời tà vậy. A-tỳ-đạt-ma y theo luận kia không có năng Vô Giác dẫn sinh biểu đi chung với hành thức, nên mật ý nói, trong tâm kiến thì dứt môn chuyển nên không thể phát ra biểu nghiệp. Vì thế theo lý kinh, luận thì không trái nhau, luận chép: Kiến thì dứt cùng tột là kiến thì dứt, thứ hai là gạn lại giải thích. Hoặc chấp nhận thấy thì dứt thì có lỗi gì, lại hỏi về lỗi, luận chép: Thế thì trái vượt

cho đến không trái nhau, là nêu ra lỗi trái với giáo lý, trước là trái giáo, sau là trái lý.

#### **44. Nói về thành lập:**

Luận chép: Sắc nghiệp Hữu lậu lẽ ra lại thành lập người ngoài hòa hợp lại thành lập. Luận chép: Nếu vậy đại chúng cho đến sở khởi sức lại gạn hỏi thành lập, hoặc tâm kiến sở dứt năng phát nghiệp đã phát kia có thể thấy đã dứt, đại chúng năng tạo cũng do tâm kiến thì dứt hẳn khởi, nên nói Đại chúng là kiến thì dứt, đại chúng đã chẳng phải thấy thì dứt nên biết kiến thì dứt không thể phát nghiệp. Luận chép: Không có lỗi như thế như chẳng phải thiện, bất thiện là giải thích câu vấn hỏi trước, đại chúng dotâm khởi, không thành thiện, bất thiện tâm kiến thì dứt của đại chúng khởi chẳng phải kiến thì dứt, đây có lỗi gì, luận chép: Hoặc lại chấp nhận lý ấy cũng không trái, là thứ hai đáp, chấp nhận tâm kiến thì dứt của bốn đại chúng phát, là kiến thì dứt, theo nghĩa cũng không trái nhau. Không lẽ chấp nhận đúng vì không trái, phá thừa nhận đại chúng kiến thì dứt, đại chúng không nhiễm ô nên chẳng phải kiến thì dứt, là hữu lậu nên chẳng phải phi thì dứt. Do bốn đại không nhiễm ô vì không trái minh và vô minh.

Luận chép: Kinh ấy chỉ y theo cho đến không trái nhau, là giải thích kinh, tâm kiến thì dứt không thể là nhân gần đặng khởi, có công năng làm tiên nhân đặng khởi, y theo nhân trước đặng khởi nói nhân tà kiến nên khởi tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng v.v... luận nói nhân gần nên không trái nhau, luận chép: Hoặc năm thức thân cho đến ngoại môn khởi, là giải thích năm duy thức là tùy chuyển, vì không nói rộng nên không thể vì chuyển, ngoại môn khởi nên có thể làm tùy chuyển. Luận chép: Tu dứt ý thức cho đến ngoại môn khởi, là giải thích tu dứt ý, chuyển ngoại môn khởi nên có thể vì tùy chuyển.

#### **45. Giải thích tu dứt ý:**

Luận chép: Tu dứt ý thức cho đến ngoại môn khởi, là giải thích ý tu dứt, thức có phân biệt nên có thể vì chuyển ngoại môn khởi cho nên là tùy chuyển. Luận chép: Tất cả vô lậu cho đến nhậm vận chuyển, là giải thích vô lậu, dị thực vô ký chẳng phải hai chuyển, vì vô lậu chỉ ở định, vì dị thực sinh tâm nhậm vận chuyển.

Luận Chánh Lý phá rằng: Nhưng nói vô lậu, dị thực là sai, đây có đại giảm và lỗi thái quá, tâm định hữu lậu cũng đều trái, đây là lỗi đại giảm các thức dị thực chỉ có thể chẳng phải chuyển, năng làm tùy chuyển, lý gì có thể ngăn, đây là lỗi thái quá nhưng kinh chủ nói: Không do gia hạnh nhậm vận chuyển các dị thực chẳng phải chuyển

tùy chuyển. Có thuyết lại nói đây là do thế lực của nghiệp đầu tiên dẫn các tâm dứt vị mới hiện tiền được, nên chẳng phải hai thứ, nếu ở đây hay khởi thân, ngữ biểu nghiệp là loại tánh gì? Là dị thực sinh, hay oai nghi lộ, hoặc công xảo xứ? Vả lại chẳng phải dị thực sinh, vì hiện khởi gia hạnh, cũng chẳng phải hai thứ kia, tâm dị thực khởi. Lý thú như thế chỉ có công năng ngăn tâm dị thực sinh, làm nhân đẳng khởi, ngoài ra tâm được chuyển thành phát biểu nghiệp. Dị thực tâm ngoại môn chuyển, có thể làm tùy chuyển, lý gì trái nhau, hoặc vô tâm, biểu nghiệp không chuyển, chấp nhận biểu nghiệp chuyển dùng thức dị thực mà tùy chuyển, do đây có lỗi gì?

#### **46. *Nêu các thuyết:***

Lại chỉ nên nói dị thực sinh tâm thế lực yếu kém, nên chẳng phải nhân đẳng khởi, không nên nói chẳng do gia hạnh nhậm vận chuyển. Không sinh đắc thiện, cũng không làm nhân phát hữu biểu nghiệp, vì cũng chẳng phải gia hạnh nhậm vận chuyển. Do đây kinh chủ có lỗi tăng giảm, nhân lại chẳng phải nhân, người trí nên biết rõ. Sư Câu xá bảo tâm định hữu lậu lý đồng vô lậu, chẳng phải chuyển tùy chuyển, chỉ ở định nói để ngăn dứt biểu hiện, cho nên không nói riêng. Tâm dị thực sinh tuy ngoại môn chuyển, chiêu cảm nghiệp thiện ác, không do gia hạnh, nhậm vận mà sinh, tánh yếu kém nên chẳng chuyển, tùy chuyển, sinh được tâm thiện, đầu đồng với kia. Một là không từ nghiệp chiêu cảm; hai là tánh nó rất mạnh, nên cũng chẳng phải vận hồi, đây là trái lý, lại trái với giáo. Luận Bà-sa quyển một trăm mười bảy chép: Hỏi vì sao tâm dị thực không thể tạo hai đẳng khởi phát nghiệp thân ngữ? Đáp: Tâm mạnh mẽ phát nghiệp thân ngữ, tâm dị thực sinh, tánh ấy yếu kém nên không thể phát, đầy đủ như luận ấy nói.

#### **47. *Nói rộng về bốn trường hợp:***

Luận chép: Như thế thì thành cho đến tâm dị thực sinh, phân biệt bốn cú, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Tâm định chuyển tùy chuyển có đồng tánh không? Là hỏi hai chuyển tâm, tánh có đồng chăng? Luận chép: Đây không quyết định, đáp là bất định. Luận chép: Việc ấy thế nào? Là hỏi khác nhau sự luận chép: Nghĩa là trước chuyển tâm cho đến tùy chuyển cũng như thế, là chỉ sự, mà đáp, vì chỉ như Mâu-Ni tôn cho đến Ủy-yết, là nói Phật khác nhau, theo luận Bà-sa thì một sự hai chuyển đồng tâm tánh, luận Bà-sa quyển một trăm mười bảy chép trong đây nếu tâm thiện tác chuyển, tức là tâm thiện tác tùy chuyển. Nếu tâm nhiễm ô tác chuyển, hay tâm nhiễm ô tác tùy chuyển, hoặc oai nghi lộ, công xảo xứ... cũng như vậy. Hỏi nếu tâm oai nghi tác chuyển tức tâm

kia tác tùy chuyển, như có người lúc đang đi thấy tượng Phật v.v... khởi nhãn thức thiện, hoặc thấy dâm nữ v.v... khởi nhãn thức nhiễm. Như thế há chẳng phải thiện, nhiễm tùy chuyển khởi nghiệp kia? Tôn-giả Thế Hữu nói: Đây là do giác tuệ mau chóng hồi chuyển, khởi tăng thượng mạn, nghĩa là đối với hành vị khởi nhãn thức này mà khi thực hành thì tâm thiện tâm nhiễm không hiện ra trước. Hoặc tâm thiện, tâm nhiễm lúc hiện ra liền dừng không hiện hành, tâm thiện tâm nhiễm này chỉ như bạn, không gọi là đẳng khởi.

#### **48. Nêu các thuyết khác:**

Lại có thuyết cho rằng: Oai nghi chấp nhận thiện nhiễm vô ký là đẳng khởi, ngoài ra như trước, tức do người thợ vẽ tượng Phật khéo đẹp nên khởi tâm thiện, vẽ người nữ khởi tâm nhiễm là khó. Thế Hữu giải thích như oai nghi. Lại có thuyết cho rằng: Khi tâm khéo léo phát khởi nghiệp, cho đến chỗ khéo léo lúc tâm chuyển thì kia tùy chuyển chỉ có ba thứ. Hỏi: Tại sao tâm dị thực sinh không thể tạo hai đẳng khởi phát ra thân ngữ? Đáp tâm mạnh mẽ phát nghiệp thân nghiệp ngữ, tâm dị thực sinh, tánh kia yếu kém nên không thể phát. Lại có người nói, nếu thân nghiệp ngữ nghiệp tâm dị thực sinh, làm hai đẳng khởi mà phát khởi. Thân nghiệp ngữ, nghiệp này nói cho đúng là cái gì? Là oai nghi lộ, hay công xảo xứ, hay dị thực sinh? Nếu oai nghi lộ, hoặc công xảo xứ, tâm dị thực sinh mà sao phát được. Nếu là tâm dị thực sinh thì thân ngữ nghiệp này lẽ ra là dị thực, nhưng thân nghiệp, ngữ nghiệp chắc chắn chẳng phải dị thực, gia hạnh khởi, cũng không thể nói là tánh thiện, nhiễm. Vì tâm sở đẳng dị thực sinh, do tâm dị thực nên sinh, không thể phát ra nghiệp thân ngữ nghiệp. Nay luận Bà-sa có ba Luận sư: Một là sư tự loại, là Sát-na đẳng khởi; hai là sư oai nghi Sát-na đẳng khởi, có cả ba, ngoài ra giống như trước; thứ ba sư oai nghi, công xảo, Sát-na đẳng khởi có cả ba, còn lại giống như trước. nhưng chưa thấy văn thiện nhiễm Sát-na đẳng khởi có cả ba văn và tâm dị thực sinh Sát-na đẳng khởi, hai nghĩa này trong luận Bà-sa đều không có văn. Mặc dù Phật nói tâm vô ký sau có cả thiện, nghĩa Sát-na đẳng khởi cũng không giống, nhưng văn luận Bà-sa không phê bình, ý các tiểu luận khác nhau, chấp nghĩa đều khác. Luận Tạp Tâm chép: Nếu khéo chuyển tức là khéo tùy chuyển; Bất thiện, vô ký cũng như vậy. luận này đối với chuyển thiện v.v... tùy chuyển có cả ba, chẳng phải nghĩa của Sư luận Bà-sa.

#### **49. Nêu thuyết khác:**

Theo Luận Chánh Lý thì tâm dị thực cũng là tùy chuyển, cũng chẳng phải nghĩa của Sư Tỳ-bà-sa. Theo Pháp sư Thái thì Câu xá là



nghĩa một sư trong Bà-sa đó là sai. Luận chép: Có Sư ở Bộ khác nói cho đến Na-già ở trong định, là nêu thuyết khác. Luận chép: Sư Tỳ-bà-sa cho đến tâm thông quả khởi, là Hữu Bộ giải thích bài tụng, không giống với các Luận sư khác, nghĩa là trong bốn oai nghi Phật đều có thể nhập định, chẳng cho rằng hằng thời định, cho nên nói như thế, chẳng phải tâm vô ký, luận chép: Các hữu biểu nghiệp cho đến là như tùy chuyển. Dưới đây là nói rộng hỏi đáp, đây là hỏi. Luận chép: Nếu như thế có lỗi gì là đặt câu hỏi gạn lại, luận chép: Nếu như chuyển cho đến đều có thể chuyển, là đưa ra lỗi như chuyển. Hoặc như chuyển kia, tâm kiến thì dứt đã chấp nhận là chuyển, thì thân kiến, biên kiến là kiến thì dứt hữu phú vô ký. Đã như chuyển ấy, thì trong cõi Dục lẽ ra có hữu phú vô ký biểu nghiệp, tức tự trái tông. Hoặc lẽ ra phân biệt thân kiến, biên kiến trong kiến thì dứt không thể vì chuyển, các kiến thì dứt còn lại có thể vì chuyển.

### ***50. Nếu ra lỗi như tùy chuyển:***

Luận chép: Nếu như tùy chuyển cho đến nên giả lập lao nhọc, là nêu ra lỗi như tùy chuyển, hoặc như tâm tùy chuyển, bất thiện, vô ký khi đắc giới, lúc ấy biểu nghiệp lẽ ra chẳng phải tánh thiện nên lập lao nhọc là giải thích nạn như thế. Luận chép: Lẽ ra nói như chuyển cho đến vì gián cách, lẽ ra như tu dứt gần chuyển tâm. Luận chép: Hoặc biểu không do cho đến biểu nghiệp vô ký, Luận chủ và Bà-sa giải thích kinh nêu ra lỗi, chánh văn luận Bà-sa quyển một trăm mười bảy hỏi nếu tâm kiến thì dứt không thể tạo Sát-na đẳng khởi phát ra thân nghiệp, ngữ nghiệp. Khế kinh đã nói đúng ra giải thích cái gì, như Khế kinh nói những người tà kiến tất cả nghiệp thân ngữ ý, hoặc tư hoặc cầu, hoặc sở tạo tác, tất cả đều được bất khả ái. bất khả lạc, chẳng phải quả vừa ý. Vì sao? Vì chấp này bạo ác gọi là tà kiến, đáp là y nhân đẳng khởi nên nói như thế, chẳng phải y Sát-na đẳng khởi, vì vậy không có lỗi. Luận Chánh Lý lại chép: Nếu biểu không do tâm lực tùy chuyển thành thiện v.v... thì không nên nói kinh ấy chỉ y theo nhân đẳng khởi ở trước chẳng y theo Sát-na, nên định trong cõi Dục không có hữu phú vô ký biểu nghiệp. Luận ấy cho rằng ở đây nói biểu thành các tánh như tánh thiện v.v... quyết định chỉ do sức khởi đẳng của Sát-na. Cho nên hoặc kiến thì dứt, tùy là nhân đẳng khởi, mà định ở cõi Dục có nghiệp hữu phú vô ký. Do chủ trương của kinh này không thông đạt ngã tông, tất cả nói nghĩa như vậy, ý này nói nếu kiến thì dứt, hoặc là Sát-na đẳng khởi hiện hành chung với nghiệp, thì không nên cách tu sở dứt năng khởi biểu nghiệp nhân đẳng khởi tâm, cho nên trong cõi Dục vì sao mà không có thân,



ngữ biểu nghiệp hữu phú vô ký, nhưng hoặc kiến thì dứt còn không thể làm nhân, Vô Gian dẫn sinh nghiệp đi chung với hành thức, thì đâu thể tự tạo tác Sát-na đẳng khởi, nói không thể làm Sát-na đẳng khởi, hiển bày không thể là cận nhân đẳng khởi. Nhưng có thể làm cận nhân đẳng khởi, đây chắc chắn có thể làm Sát-na đẳng khởi, thân kiến, biên kiến tuy là nhân xa dẫn phát thân biểu nghiệp ngữ biểu nghiệp, mà do thế lực tu dứt cận nhân thành gốc bất thiện.

Cho nên nói kinh ấy chỉ y theo nhân đẳng khởi trước không y theo Sát-na, nên trong cõi Dục, chắc chắn không có hữu phú vô ký biểu nghiệp.

Nếu không như thế thì không nên nói kinh ấy chỉ y theo nhân đẳng khởi ở trước ở trước nói hiển bày cách nhân gần, nên phân biệt nhân gần. Nói nhân trước, vì trong kia đây không thấu đạt ý nghĩa ngôn ngữ, luận Bà-sa chép: Lại, nếu tâm chúng đồng phần này làm năng chuyển, tức tâm chúng đồng phần này làm tùy chuyển, thì có việc ấy. Hoặc tâm chúng đồng phần này làm năng chuyển, ngoài ra tâm chúng đồng phần khác làm tùy chuyển phát ra nghiệp thân ngữ, thì không có việc ấy. Lại có thuyết cho rằng, cũng có việc ấy. Đó là như có người phát nguyện sẽ mở đại hội năm năm, trong thời gian đó qua đời, nhờ nguyện lực này sinh vào nhà giàu sang, tự nhớ lại việc đời trước, như sở nguyện xưa đều làm tất cả, như thế gọi là tâm của chúng đồng phần này làm năng chuyển, tâm của chúng đồng phần khác làm tùy chuyển phát nghiệp thân, ngữ. Nhưng không có lời bình, nay giải thích sự trước nói tâm nhân gần v.v... đẳng khởi, sự sau nói tâm viên nhân đẳng khởi, nghĩa không trái nhau nên không có lời bình.

